

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Kính gửi: Quý vị cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) xin trân trọng thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

1. **Thời gian:** Dự kiến 08h00 ngày thứ năm 18/6/2020 (đăng ký từ 7h30').
2. **Địa điểm:** Lầu 1 -Khách sạn Lotte Legend Sài Gòn,
2A-4A Tôn Đức Thắng, Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
3. **Nội dung Đại hội:**
 - + Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Giám đốc.
 - + Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị.
 - + Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019. Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát.
 - + Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.
 - + Tờ trình về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
 - + Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019.
 - + Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
 - + Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020.
 - + Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị.
 - + Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.
 - + Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.
 - + Tờ trình thay đổi mô hình Quản trị tại PVTrans
 - + Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ của PVTrans
 - + Tờ trình sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về Quản trị của PVTrans
 - + Và các nội dung khác (nếu có)

4. Thành phần và điều kiện tham dự:

- Tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của PVTrans theo danh sách chốt ngày 29/5/2020 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng mang theo: Thư mời, Giấy CMND hoặc hộ chiếu, Giấy uỷ quyền (nếu được uỷ quyền).



- Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội bằng điện thoại, email hoặc fax tới văn phòng PVTrans trước 15h ngày 17/6/2020 theo địa chỉ sau:

+ Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Q1, Tp. HCM

+ Điện thoại: 028.39 111 301

Fax: 028.39 111 300.

+ Người liên hệ: Ms. Phượng - số máy lẻ: 286 hoặc Ms. Hoài Vân - số máy lẻ: 287

+ Email: plan@pvtrans.com

- Các tài liệu liên quan đến Đại hội được đăng tải trên website www.pvtrans.com kể từ ngày 4/6/2020 để quý cổ đông tham khảo.

- Thời gian họp Đại hội nếu thay đổi sẽ được cập nhật trên website của PVTrans.

Thông báo này thay cho Giấy mời.

Trân trọng ./.



Đoàn Văn Nhuộm

Danh mục tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2020

1. Dự thảo Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
2. Dự thảo Nội quy cuộc Họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
3. Dự thảo Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Giám đốc.
4. Dự thảo Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị. PL đính kèm Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT.
5. Dự thảo Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019. Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát.
6. Dự thảo Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 (*Đính kèm BCTC*).
7. Dự thảo Tờ trình về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
8. Dự thảo Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
9. Dự thảo Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020
10. Dự thảo tờ trình miễn nhiệm TV Ban kiểm soát 2017-2022
11. Dự thảo tờ trình miễn nhiệm TV HĐQT 2020-2025
12. Dự thảo tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tra cơ tục 2019
13. Dự thảo tờ trình thay đổi mô hình quản trị.
14. Dự thảo tờ trình sửa đổi Điều lệ (2020)
15. Dự thảo so sánh điều lệ cũ và mới và điều lệ PVTrans 2020
16. Dự thảo tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ quản trị (2020) và quy chế nội bộ về quản trị PVTrans 2020 dự thảo sửa đổi.
17. Thẻ lệ biểu quyết
18. Phiếu biểu quyết các nội dung DHCD 2020
19. Dự thảo biên bản họp DHCD 2020
20. Dự thảo Nghị quyết DHCD 2020
21. BC kết quả kiểm tra tu cách cơ sở 2020
22. BB kiểm phiếu biểu quyết các nội dung thông qua DHCD (2019).

Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Kính gửi: Quý vị cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) xin trân trọng thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

1. **Thời gian:** Dự kiến 08h00 ngày thứ năm 18/6/2020 (đăng ký từ 7h30').

2. **Địa điểm:** Lầu 1 -Khách sạn Lotte Legend Sài Gòn,
2A-4A Tôn Đức Thắng, Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

3. Nội dung Đại hội:

- + Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Giám đốc.
- + Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị.
- + Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019. Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát.
- + Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.
- + Tờ trình về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- + Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019.
- + Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
- + Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020.
- + Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị.
- + Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.
- + Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.
- + Tờ trình thay đổi mô hình Quản trị tại PVTrans
- + Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ của PVTrans
- + Tờ trình sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về Quản trị của PVTrans
- + Và các nội dung khác (nếu có)

4. Thành phần và điều kiện tham dự:

- Tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của PVTrans theo danh sách chốt ngày 29/5/2020 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng mang theo: Thư mời, Giấy CMND hoặc hộ chiếu, Giấy uỷ quyền (nếu được uỷ quyền).

- Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội bằng điện thoại, email hoặc fax tới văn phòng PVTrans trước 15h ngày 17/6/2020 theo địa chỉ sau:

+ Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Q1, Tp. HCM

+ Điện thoại: 028.39 111 301

Fax: 028.39 111 300.

+ Người liên hệ: Ms. Phụng - số máy lẻ: 286 hoặc Ms. Hoài Vân - số máy lẻ: 287

+ Email: plan@pvtrans.com

- Các tài liệu liên quan đến Đại hội được đăng tải trên website www.pvtrans.com kể từ ngày 4/6/2020 để quý cổ đông tham khảo.

- Thời gian họp Đại hội nếu thay đổi sẽ được cập nhật trên website của PVTrans.

Thông báo này thay cho Giấy mời.

Trân trọng ./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Nhuộm

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Thời gian dự kiến: dự kiến ngày 18/6/2020.

Địa điểm: Tp. Hồ Chí Minh.

Stt	Nội dung
I	ĐÓN TIẾP CỔ ĐÔNG:
1	Đón tiếp cổ đông tham dự Đại hội. Kiểm tra tư cách cổ đông. Tiến hành thủ tục đăng ký tham dự Đại hội. Phát tài liệu và phiếu biểu quyết cho cổ đông.
II	KHAI MẠC ĐẠI HỘI:
1	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
2	Khai mạc Đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.
3	Giới thiệu danh sách Chủ tọa Đại hội, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu.
4	Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội.
5	Thông qua quy chế Đại hội.
6	Thông qua Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội.
III	NỘI DUNG ĐẠI HỘI:
1	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Giám đốc.
2	Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị.
3	Tờ trình về Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.
4	Báo cáo thẩm định BCTC năm 2019. Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát
5	Tờ trình về Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020.
6	Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019.
7	Tờ trình về Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
8	Tờ trình về Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020.

Stt	Nội dung
9	Tờ trình về thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí nhiệm kỳ 2020-2025
10	Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
11	Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát
12	Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của PVTrans
13	Tờ trình về thay đổi mô hình quản trị tại PVTrans
14	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ PVTrans
15	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của PVTrans
16	Nội dung khác (nếu có)
17	Thảo luận và biểu quyết các nội dung của Đại hội.
IV	TỔNG KẾT ĐẠI HỘI:
1	Báo cáo kết quả kiểm phiếu của Đại hội.
2	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.
3	Bế mạc Đại hội.

NỘI QUY CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và tuân thủ pháp luật và điều lệ của Tổng công ty;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức cuộc họp an toàn, trật tự và vì lợi ích tập thể.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông Nội quy cuộc họp của Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội có trang phục nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu dự họp tại bàn tiếp đón; không đưa người ngoài vào hội trường khi chưa được Đoàn Chủ toạ đồng ý.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
5. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để ở chế độ rung.

II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Ngay sau khi Tổ kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thoả mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, cuộc họp được khai mạc ngay và Đoàn Chủ toạ điều khiển phiên họp:

1. Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được uỷ quyền lần lượt báo cáo trước Đại hội những nội dung theo Chương trình của phiên họp.

2. Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc:

Sau khi Ban lãnh đạo Tổng công ty báo cáo Đại hội các nội dung phiên họp, Đoàn Chủ toạ tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của Đại hội đồng cổ đông và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phần thảo luận sẽ được tiến hành tập trung sau khi Đoàn Chủ toạ lần lượt báo cáo xong các nội dung của Đại hội.
- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại Đại hội thì giơ phiếu biểu quyết hoặc điền nội dung câu hỏi vào Phiếu ý kiến (do Ban tổ chức Đại hội cung cấp), gửi cho Ban Thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn Chủ toạ; cổ đông chỉ được phát biểu ý kiến ngoài phiên thảo luận khi Đoàn Chủ toạ nhất trí.

- Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự đã thông qua.
- Đoàn Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông và chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.
- Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Tổng công ty.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA ĐOÀN:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn Chủ tọa.
3. Soạn thảo Biên bản họp và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

1. Phổ biến thể lệ biểu quyết, phát và thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

Trên đây là toàn bộ Nội quy cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

**TM.ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Đoàn Văn Nhuộm

Tp. HCM, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019,
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) như sau:

PHẦN I

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Đặc điểm tình hình:

Nền kinh tế quốc tế trong năm 2019 đối diện nhiều rủi ro khi các nền kinh tế chủ chốt tiếp tục có nhiều bất ổn tác động đến thị trường vận tải hàng hóa, đặc biệt là thị trường hàng lỏng như căng thẳng và xung đột tại Trung Đông, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cùng với lệnh cấm vận của Mỹ với Iran và các công ty sở hữu tàu vận chuyển của Trung Quốc như Cest, Kunlun, Cosco Tanker (Dalian) khiến giá dầu thô (Brent) thế giới có những biến động liên tục, sau khi giảm giá tới đáy vào đầu năm 2019 (45 USD/thùng) giá dầu có chuyển biến tích cực đạt gần 75 USD/thùng vào tháng 4/2019 sau đó giảm dần và giữ ở xung quanh mức 60 USD/thùng. Thị trường vận tải dầu thô quốc tế cho tất cả các size tàu đều có xu hướng tăng so với năm 2018, trong đầu tuần tháng 10/2019 giá thuê tàu tăng cao do lệnh cấm vận của Mỹ nhưng sau đó đã giảm dần. Thị trường vận tải dầu sản phẩm quốc tế vẫn còn nhiều khó khăn, giá cước có nhiều thời điểm còn thấp hơn năm 2018, thị trường vận chuyển hóa chất và khí LPG tương đối ổn định. Nền kinh tế trong nước tiếp tục mở rộng đà tăng trưởng. Là doanh nghiệp vận tải hàng đầu Việt Nam, PVTrans cùng các Đơn vị thành viên phải chịu sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, bị ảnh hưởng của thị trường vận tải trong nước và quốc tế với những khó khăn và thuận lợi cụ thể như sau:

1.1. Thuận lợi:

- Trong năm 2019, NMLD Dung Quất vận hành ở mức 107% công suất với nhu cầu vận chuyển 7-8 chuyến dầu thô/tháng từ các mỏ nội địa về NMLD Dung Quất. NMLHD Nghi Sơn đã vận hành thương mại tuy chưa ổn định nhưng cũng tạo nguồn thu quan trọng cho PVTrans nhờ vào việc vận chuyển dầu thô và dầu thành phẩm cho Nhà máy.

- Thị trường mua bán tàu biển năm 2019 vẫn ở mức hợp lý là cơ hội để PVTrans và các đơn vị thành viên tích cực triển khai công tác đầu tư phát triển và trẻ hóa phương tiện vận tải như tàu dầu thô, tàu dầu sản phẩm/hóa chất, tàu LPG.

- Công tác tái cấu trúc cùng với công tác quản lý, quản trị không ngừng đổi mới, cải tiến bám sát thực tế của PVTrans và các đơn vị thành viên đã giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PVTrans ngày càng hiệu quả hơn và có nhiều chuyển biến tích cực. Mô hình quản lý của PVTrans đúng định hướng và đạt kết quả như kỳ vọng; công tác quản lý ngày càng chặt chẽ; các đơn vị thành viên cũng mạnh hơn và hoàn toàn chủ động trong các hoạt động SXKD.

- Cổ phiếu PVTrans tiếp tục là một trong những cổ phiếu được quan tâm của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đây sẽ là một kênh huy động vốn quan trọng của PVTrans khi tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư phát triển đội tàu.

- PVTrans đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về quản lý điều hành. Đội ngũ cán bộ, nhân viên Tổng công ty có tâm huyết, có trách nhiệm và đoàn kết. Tổng công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tái cơ cấu và hình thành được văn hóa đoàn kết quyết tâm vượt qua khó khăn trong những năm vừa qua.

1.2. Khó khăn:

- Năm 2019, ngành dầu khí và ngành vận tải biển đều có nhiều khó khăn, thách thức. Chính sách của Nhà nước là khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, tạo một môi trường cạnh tranh mạnh mẽ, khốc liệt hơn. Lợi thế trước đây của các doanh nghiệp có vốn nhà nước sẽ không còn nữa mà thay vào đó là những hạn chế, bất cập về cơ chế. Đây cũng là thách thức đối với PVTrans trong việc tìm ra cách thức phù hợp nhằm thích nghi với tình hình mới.

- Thị trường vận tải quốc tế những năm 2019 tiếp tục giai đoạn khó khăn, những bất ổn xung đột chính trị, chính sách, việc cấm vận giữa các nước lớn làm giá dầu biến động khó lường ảnh hưởng thị trường vận tải quốc tế của PVTrans.

- Tại thị trường nội địa, các dự án đầu tư NMNĐ của PetroVietnam như Thái Bình 2, Long Phú 1 & Sông Hậu 1 bị chậm tiến độ đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ đầu tư chuẩn bị đội tàu/xà lan vận chuyển/chuyển tải than cho các nhà máy. NMLHD Nghi Sơn thường xuyên gặp sự cố, dừng hoạt động trong 50 ngày để bảo dưỡng sửa chữa, làm ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD của đơn vị do một số đầu mối đồng loạt ngưng mua hàng từ NMLHD Nghi Sơn và tăng nhập khẩu xăng dầu.

- Các hợp đồng thỏa thuận dài hạn việc vận chuyển dầu thô, dầu sản phẩm cho NMLHD Nghi Sơn vẫn chưa được ký kết. Việc vận chuyển, chuyển tải than cho các NMNĐ của PetroVietnam cũng đang bị chậm tiến độ và chưa được cụ thể hóa bằng thỏa thuận/hợp đồng vận chuyển, chuyển tải, đã phần nào ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Đội tàu PVTrans mặc dù được đầu tư trẻ hóa nhưng trung bình vẫn ở mức già, mức tiêu thụ nhiên liệu cao làm giảm lợi thế cạnh tranh so với các đội tàu khác có độ tuổi trẻ hơn, đặc biệt khi khai thác trên thị trường quốc tế.

- Các Công ty con của PVTrans trong năm 2019 đều hoạt động có lãi nhưng một vài Công ty có tiềm lực tài chính còn yếu, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao.

2. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019:

2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Phát huy những thành tựu đã đạt được, năm 2019, PVTrans kiên trì thực hiện tốt chiến lược phát triển, triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, xử lý tháo gỡ khó khăn để toàn Tổng công ty đều hoạt động ổn định. Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng do biến động của thị trường vận tải nhưng PVTrans và các đơn vị thành viên đều hoạt động có lãi.

- Dịch vụ vận tải: PVTrans tiếp tục giữ vững vị trí là doanh nghiệp vận tải hàng lỏng số 1 Việt Nam. Trong năm 2019, PVTrans đã thực hiện vận chuyển an toàn hiệu quả 1.664 chuyến hàng các loại, bao gồm vận chuyển hơn 6,6 triệu tấn dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất; 2,4 triệu tấn dầu thô bằng tàu VLCC từ Kuwait về cho Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn; hơn 2,2 triệu tấn dầu sản phẩm, 1,4 triệu tấn LPG. PVTrans tiếp tục duy trì 100% thị phần vận tải dầu thô và LPG trong nước, chiếm lĩnh khoảng 30% thị phần vận tải xăng dầu tại thị trường nội địa. Năm 2019, PVTrans đã đẩy mạnh việc đưa tàu ra khai thác trên thị trường quốc tế với 2/4 tàu dầu thô, 10/12 tàu sản phẩm/hóa chất, 9/14 tàu LPG, 2/2 tàu hàng rời đang hoạt động trên khắp thế giới từ châu Á, Trung Đông đến Bắc Mỹ, Châu Úc và Tây Phi. Hiện nay 70% đội tàu PVTrans thường xuyên hoạt động tại thị trường quốc tế với các hình thức cho thuê đa dạng (thuê chuyển, định hạn, vận chuyển nhập khẩu) đã giúp cho PVTrans tăng nguồn thu ngoại tệ, xây dựng được thương hiệu quốc tế và đặc biệt là đa dạng hóa được thị trường, giảm bớt phụ thuộc vào thị trường nội địa đang bão hòa và có xu hướng bất ổn, giảm sút.

- Đối với mảng vận tải hàng rời: Trong năm 2019, PVTrans đã tiếp tục phát triển dịch vụ vận tải than quốc tế song song với việc chuẩn bị phương tiện cho các dự án điện than Sông Hậu 1, Long Phú 1 và một số NMNĐ than khác trong nước. Các tàu hàng rời của PVTrans và tàu thuê ngoài tham gia phân khúc vận chuyển than nhập khẩu từ Indonesia về các NMNĐ trong nước với sản lượng khoảng 1 triệu tấn, khẳng định năng lực của PVTrans trong việc đảm bảo cung cấp chuỗi vận chuyển than từ vận chuyển quốc tế đến chuyển tải trong nước làm tiền đề về vận chuyển than cho các NMNĐ Sông Hậu 1 và Long Phú 1.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải đạt: 4.752 tỷ đồng

- Dịch vụ FSO/FPSO: PVTrans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, duy trì tỷ lệ thời gian uptime đạt 100%, không để xảy ra tai nạn sự cố hoặc dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật của tàu, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ. Đối với việc quản lý vận hành tàu FPSO Lewek Emas tại Mỏ Chim Sáo, đơn vị đã phối hợp chặt chẽ với khách hàng để duy trì hoạt động và tích cực đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng về nhân sự O&M. Tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ O&M với chủ tàu FPSO Sông Đốc (MV 19) ổn định, an toàn. Đối với dịch vụ chuẩn bị và thực hiện hỗ trợ O&M mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt, đơn vị đã cung cấp 31 vị trí (85 lao động) trong đó có 19 vị trí chủ chốt.

Doanh thu từ dịch vụ FSO/FPSO, DV hàng hải dầu khí đạt 1.092 tỷ đồng.

- Dịch vụ logistics: Ngoài việc triển khai có hiệu quả các dịch vụ vận chuyển dầu thô, dầu sản phẩm, LPG các đơn vị thành viên của PVTrans đã triển khai các dịch vụ đại lý hàng hải, kinh doanh thương mại hàng hải, cho thuê xe văn phòng, vận tải đường bộ LPG, CNG... Các hoạt động sản xuất kinh doanh này đều hỗ trợ cho các DV sản xuất kinh doanh chính, đảm bảo an toàn về vốn, tăng thêm doanh thu và hiệu quả.

Doanh thu từ các dịch vụ kinh doanh thương mại, đại lý hàng hải và các dịch vụ hỗ trợ khác đạt: 1.914 tỷ đồng

Công tác quản lý, quản trị: Năm 2019, PVTrans tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, chuyển đổi mô hình, đồng thời đã ban hành và tiếp tục rà soát hệ thống quy chế, quy định theo hướng thiết thực, sát với tình hình thực tế SXKD. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện các sai sót, nguy cơ rủi ro và có biện pháp chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời. Kiện toàn hệ thống quản trị, gắn trách nhiệm cá nhân của từng lãnh đạo, nhân viên với kết quả thực hiện nhiệm vụ, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Tổng công ty chủ động điều tiết, phân công các đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh nâng cao tính chuyên nghiệp, tránh chồng chéo.

Việc chấn chỉnh công tác quản lý: Ban lãnh đạo PVTrans đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý. Quản lý chặt chẽ định mức tiêu hao nhiên liệu, hao hụt hàng hóa, ngân sách tàu, chi phí khai thác và sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lên đà tàu, chi phí quản lý, hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, hệ thống các quy trình, quy chế, tăng cường tiết kiệm chi phí, hợp lý hóa sản xuất. Thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn Tổng công ty.

Công tác lao động và đào tạo: Số lao động trong năm 2019 là 1.984 người. Thu nhập bình quân của người lao động đạt gần 24 triệu đồng/người/tháng, cao hơn năm 2018. Năng suất lao động đạt 367,7 triệu đồng/người/tháng, tương đương 144% kế hoạch. Thực hiện đào tạo được 3.045 lượt người, đạt 138% so với kế hoạch năm 2019, đặc biệt công tác đào tạo nội bộ (inhouse training) cũng là điểm nhấn của PVTrans trong năm 2019 trong đó các cấp quản lý chủ động đăng ký tự đào tạo đội ngũ CBCNV. PVTrans đã thực hiện 46 khóa đào tạo nội bộ, do các cán bộ lãnh đạo các cấp từ lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Ban đến Tổng giám đốc Tổng công ty đứng lớp, với 666 lượt cán bộ tham dự.

Công tác cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu khoa học công nghệ: PVTrans đã phát động và duy trì việc phát huy sáng kiến, khắc phục các hạn chế, khiếm khuyết trong hoạt động khai thác tàu và trong hệ thống quản lý, quản trị điều hành. PVTrans đã tự quản lý hoàn toàn đội tàu dầu thô, dầu sản phẩm/hóa chất, LPG và tăng cường quản lý thuê cho một số các chủ tàu bên ngoài đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của các chủ hàng quốc tế lớn như Shell, Exxonmobil, Total, Enoc. Việc nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế đã góp phần giảm chi phí, ngân sách cho hoạt động đội tàu khoảng hàng chục tỷ đồng/năm so với việc thuê công ty quản lý nước ngoài.

Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí: PVTrans đã xây dựng và đăng ký kế hoạch tiết kiệm trên từng lĩnh vực làm cơ sở để phân đầu thực hiện. Chủ động và quyết liệt trong việc kiểm soát, tiếp tục tiết giảm các khoản chi phí. Tổng công ty đã rà soát, cắt giảm và giao các chỉ tiêu ngân sách trong quản lý chi phí tàu, mua sắm vật tư trang thiết bị, giảm bớt hạng mục nâng cấp sửa chữa chưa cần thiết, rút ngắn thời gian tiến độ sửa chữa tàu. Trong năm 2019, PVTrans và các đơn vị thành viên đã thực hiện tiết kiệm được 35,3 tỷ đồng, đạt 125% kế hoạch đăng ký tiết giảm năm 2019.

2.2. Công tác đầu tư:

a. Công ty mẹ:

- Dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 10.000-20.000 DWT: PVTrans đã hoàn thành việc đầu tư mua tàu PVT Aurora và nhận tàu trong tháng 11/2019. Ngay sau khi nhận tàu PVT Aurora, PVTrans đã ký hợp đồng thuê định hạn cho khách hàng khai thác tuyến quốc tế.

- Đầu tư tài chính: Góp vốn để duy trì tỷ lệ sở hữu 51% VDL tại Công ty NVTrans trong quý II/2019 và Phương Đông Việt trong quý IV/2019.

b. Tại đơn vị thành viên:

Các ĐVTV PVTrans đã nhận tổng cộng 6 tàu trong năm 2019, cụ thể:

- Công ty PVTrans Pacific: Đơn vị hoàn thành công tác đầu tư mua tàu dầu thô, nhận tàu Apollo trọng tải 105.465 DWT vào tháng 6/2019.

- Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế: Đơn vị hoàn thành công tác đầu tư mua tàu LPG Đà Nẵng Gas trọng tải 4.771 CBM, nhận tàu tháng 9/2019.

- Công ty CP Vận tải Nhật Việt: Đơn vị hoàn thành công tác đầu tư mua tàu LPG Lady Linn, Gas Lotus, nhận tàu tháng 1 và tháng 6/2019.

- Công ty CP Vận tải Dầu Phương Đông Việt: Đơn vị đã hoàn thành công tác đầu tư mua tàu sản phẩm/hóa chất PVT Synergy, PVT Neptune, nhận tàu vào tháng 1 và tháng 8/2019.

2.3. Công tác tái cơ cấu và đổi mới doanh nghiệp:

- Tái cơ cấu Công ty Phương Đông Việt: Trong năm 2019, Công ty Phương Đông Việt đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 295 tỷ đồng, duy trì tỷ lệ sở hữu của PVTrans tại đơn vị là 51% VDL.

- Duy trì tỷ lệ sở hữu 51% VDL tại Công ty CP Vận tải Nhật Việt (NVTrans): Trong năm 2019, NVTrans đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng, trong đó PVTrans đã góp 51 tỷ đồng để duy trì tỷ lệ sở hữu 51% VDL tại NVTrans.

- Về việc mua lại 10% VDL Công ty Đông Dương từ PV Oil: PVTrans hiện đang nắm giữ 48% VDL và sẽ không mua lại 10% VDL của PVOIL do số lượng cổ phiếu hiện tại PVTrans đã đủ chi phối hoạt động của Công ty Đông Dương và PVOil, PVTrans không thống nhất được giá mua bán do vậy PVOil đang tìm đối tác khác để chuyển nhượng.

- Tái cơ cấu các đơn vị thành viên khác: PVTrans đang tích cực tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng hoặc tham gia góp vốn, qua đó giảm tỷ lệ sở hữu của PVTrans.

2.4. Công tác an sinh xã hội

Trong năm 2019, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Chính quyền Tổng công ty, các tổ chức đoàn thể đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội với tổng số tiền tài trợ là 12,4 tỷ đồng, bao gồm nhiều hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV như Chương trình Team Building, về nguồn, tặng quà, hỗ trợ thuyền viên, các gia đình chế độ chính sách có hoàn cảnh khó khăn trong Tổng công ty nhân dịp lễ tết, ngày 8/3, ngày 1/5.... Ngoài ra PVTrans còn tổ chức các hoạt động cộng đồng như tổ chức thăm hỏi CBCNV là thương binh, con liệt sỹ và một số gia đình chính sách; Chi tặng quà cho các bệnh nhi nghèo khoa tiêu hóa tại Bệnh viện nhi đồng 2; Chi ủng hộ các Quỹ: Quỹ khuyến học/Quỹ

phụ nữ nghèo/Quỹ chăm lo hội viên cựu thanh niên xung phong/Tiếp sức học sinh nghèo đến trường/Quỹ thiên tai; Phối hợp với UBND Phường Đakao tổ chức trao quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn đang sinh sống trên địa bàn quận; Tài trợ dự án đầu tư xây dựng và cải tạo Trường tiểu học xã Cẩm Thạch, Huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch đã thực hiện năm 2019:

Trong năm 2019, Ban Lãnh đạo PVTrans đã có những quyết sách kịp thời, chỉ đạo sâu sát để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý quản trị, chủ động đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, quản lý chặt chẽ chi phí, quán triệt thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, hợp lý hóa sản xuất, tiếp tục tái cấu trúc mô hình quản lý quản trị, khắc phục những khó khăn, quyết tâm đầu tư phát triển đội tàu trên cơ sở cân trọng, có hiệu quả. Có thể nói năm 2019 đã ghi nhận những dấu ấn quan trọng trên mọi mặt hoạt động của PVTrans, nổi bật là các chỉ tiêu SXKD đạt kỷ lục cao như sau:

3.1. Kết quả thực hiện kế hoạch toàn Tổng công ty năm 2019 (hợp nhất):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH 2019
1	Doanh thu	5.500,0	8.047	146%
2	Lợi nhuận trước thuế	500,0	1.016	203%
3	Lợi nhuận sau thuế	400,0	821	205%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	228,2	561	246%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	17,8%	36,1%	203%

Năm 2019, PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được ĐHĐCĐ giao. Cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 8.047 tỷ đồng, tương đương 146% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 1.016 tỷ đồng, tương đương 203% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 821 tỷ đồng, tương đương 205% kế hoạch năm;
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ đạt 36%, tăng 103% so với kế hoạch năm và tăng 3% so với năm 2018.
- Chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước đạt 561 tỷ đồng, tương đương 246% kế hoạch năm.

3.2. Kết quả thực hiện kế hoạch Công ty mẹ năm 2019

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH 2019
1	Doanh thu	2.250,0	3.102,3	138%
2	Lợi nhuận trước thuế	310,0	735,5	237%
3	Lợi nhuận sau thuế	260,0	628	242%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	115,8	229,1	198%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	11%	26%	238%

Công ty mẹ PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được ĐHĐCĐ giao. Cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 3.102,3 tỷ đồng, tương đương 138% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 735,5 tỷ đồng, tương đương 237% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 628 tỷ đồng, tương đương 242% kế hoạch năm;
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ đạt 26%, tăng 138% so với kế hoạch năm 2019 và tăng 26% so với năm 2018.
- Chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước đạt 229,1 tỷ đồng, tương đương 198% kế hoạch năm.

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của các đơn vị thành viên:

Mặc dù năm 2019 được đánh giá là có nhiều thách thức khó khăn, Công ty mẹ PVTrans đã quyết liệt chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD để các Công ty thành viên đều hoạt động ổn định, có lãi. Cụ thể:

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên công ty	Thực hiện năm 2019	
		Doanh thu	LNTT
1	PVTrans Pacific	1.691.216	188.667
2	Nhật Việt Trans	1.045.203	100.123
3	Gas Shipping	1.406.837	65.683
4	PVTrans OFS	552.475	63.956
5	PVTrans Petro	902.108	53.096
6	PVTrans Oil	955.004	10.866
7	PVTrans PTT	414.923	9.242
8	Công ty PSM	183.471	7.218
9	PVTrans Quảng Ngãi	204.947	4.808
10	PVTrans Vũng Tàu	398.422	312
11	PVTrans Hà Nội	401.695	284

4. Những kết quả nổi bật đã đạt được trong năm 2019:

Với PVTrans, năm 2019 đã ghi nhận những dấu ấn quan trọng trên mọi mặt hoạt động, nổi bật là đạt các chỉ tiêu tài chính cao kỷ lục. Đặc biệt, năm 2019 cũng đánh dấu nhiều thay đổi lớn trong công tác quản trị doanh nghiệp, những quyết sách xử lý nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty trong tương lai. 10 thành tựu tiêu biểu nhất của PVTrans trong năm qua là:

a. Xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 2019 là năm đánh dấu sự tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ của PVTrans với các chỉ tiêu kết quả SXKD cao nhất kể từ khi thành lập cách đây 17 năm, tổng doanh thu hợp nhất đạt 8.047 tỷ đồng, đạt 146% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 1.016 tỷ đồng, vượt 203% kế hoạch và vượt 105% so với thực hiện năm 2018. PVTrans lần đầu tiên lọt vào Câu lạc bộ các doanh nghiệp có lợi nhuận trên 1.000 tỷ đồng trên sàn chứng khoán. Có thể nói đây là 1 năm đánh dấu một bước phát triển mới của PVTrans với các kỷ lục về kết quả kinh doanh, duy trì sự tăng trưởng 8 năm liên tục từ năm 2011 đến nay với mức tăng bình quân 18%. Kết quả này là sự kết tinh tầm nhìn chiến lược sáng suốt

của ban lãnh đạo và nỗ lực, quyết tâm bền bỉ, đoàn kết nhất trí của tập thể CBCNV toàn Tổng công ty.

b. Duy trì vị thế dẫn đầu thị trường vận tải trong nước.

Phát huy sức mạnh tổng hợp, uy tín của mình, PVTrans tiếp tục giữ vững vị trí là doanh nghiệp vận tải hàng lỏng số 1 Việt Nam. Trong năm 2019, PVTrans đã thực hiện vận chuyển an toàn hiệu quả 1.664 chuyến hàng các loại, bao gồm vận chuyển hơn 6,6 triệu tấn dầu thô cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất, 2,4 triệu tấn dầu thô từ Kuwait về cho Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, hơn 2,2 triệu tấn dầu sản phẩm 1,4 triệu tấn LPG. PVTrans tiếp tục duy trì 100% thị phần vận tải dầu thô và LPG trong nước, chiếm lĩnh khoảng 30% thị phần vận tải xăng dầu tại thị trường nội địa.

c. Đa dạng hóa thị trường, phát triển mạnh ra thị trường quốc tế.

Năm 2019, PVTrans đẩy mạnh việc đưa tàu ra khai thác trên thị trường quốc tế với 2/4 tàu dầu thô, 10/12 tàu sản phẩm/hóa chất, 9/14 tàu LPG, 2/2 tàu hàng rời đang hoạt động trên khắp thế giới từ châu Á, Trung Đông đến Bắc Mỹ, Châu Úc và Tây Phi. Hiện nay 70% đội tàu PVTrans thường xuyên hoạt động tại thị trường quốc tế với các hình thức cho thuê đa dạng (thuê chuyển, định hạn, vận chuyển nhập khẩu) giúp cho PVTrans tăng nguồn thu ngoại tệ, xây dựng được thương hiệu quốc tế và đặc biệt là đa dạng hóa được thị trường, giảm bớt phụ thuộc vào thị trường nội địa đang bão hòa và có xu hướng bất ổn, giảm sút. PVTrans không chỉ tập trung khai thác thị trường truyền thống tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương mà đã bước đầu tiếp cận những thị trường vận tải khó tính hơn như Bắc Mỹ, Châu Âu. Đây là mục tiêu và cũng là thách thức của PVTrans trong năm tới để khẳng định thương hiệu và vị thế trên thị trường vận tải quốc tế.

d. Đổi mới công tác quản lý, quản trị:

Năm 2019, PVTrans tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, chuyển đổi mô hình, đồng thời đã ban hành và tiếp tục rà soát hệ thống quy chế, quy định theo hướng thiết thực, sát với tình hình thực tế SXKD trong thời kỳ mới, loại bỏ các thủ tục mang tính hành chính, hình thức. PVTrans chủ trương trao thêm quyền quyết định linh hoạt, chủ động cho Người đại diện phần vốn và các cán bộ quản lý tại Đơn vị; Xây dựng quy trình đầu tư, quản lý kinh doanh gọn nhẹ, thực chất; Rà soát chế độ đãi ngộ xứng đáng, tránh cào bằng cho người lao động nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ chi phí. Ban lãnh đạo PVTrans hy vọng việc cải cách hành lang cơ chế này sẽ đem đến nguồn động lực mới, phát huy năng lực quản trị của Ban lãnh đạo ĐVTN, khơi thông nội lực, đưa PVTrans tiến đến các mục tiêu xa hơn.

e. Năng lực đội tàu PVTrans cán mốc 1 triệu DWT.

Năm 2019 ghi nhận nỗ lực của PVTrans trong việc thực hiện chiến lược trẻ hóa đội tàu, nâng cao năng lực cạnh tranh. Cho đến nay PVTrans đã sở hữu đội tàu lên đến 33 chiếc, với tổng tải trọng khoảng 1 triệu DWT tăng hơn 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Các tàu đầu tư đều là tàu trẻ, có tính năng kỹ thuật hiện đại, suất đầu tư thấp và được khai thác hiệu quả ngay trong những năm đầu tiên. Tổng tài sản hợp nhất của PVTrans đạt kỷ lục gần 11 nghìn tỷ đồng cùng với chất lượng tài sản ngày càng được cải thiện sẽ đem lại lợi thế lâu dài và bền vững cho PVTrans trong tương lai.

f. Tài chính lành mạnh và ổn định.

Các chỉ số tài chính trong năm 2019 ngày càng tốt hơn rất nhiều so với những năm trước đây. Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 5.410 tỷ đồng, đáng chú ý, PVTrans là đơn vị có tỷ suất lợi nhuận/VCSH bình quân đạt 18,7%, nằm trong top đầu của PetroVietnam; chỉ số thanh toán đạt 2 lần, hệ số nợ/VCSH là 0,9 cho thấy tiềm lực tài chính ổn định của PVTrans. Công tác quản lý tài chính của PVTrans ngày càng chặt chẽ, minh bạch được các công ty kiểm toán, khách hàng, các nhà đầu tư, các ngân hàng tài trợ đánh giá cao.

g. Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tự đào tạo.

Nhận thấy nhân lực là yếu tố quyết định sự thành bại của doanh nghiệp, trong năm 2019, Ban lãnh đạo PVTrans đã chỉ đạo sâu sát việc phát triển nguồn nhân lực trong toàn Tổng công ty. PVTrans chú trọng xây dựng đội ngũ kế thừa yêu nghề, giàu nhiệt huyết, mạnh dạn bổ nhiệm các cán bộ trẻ giữ các chức vụ quản lý quan trọng như Phó giám đốc, Trưởng phòng kinh doanh tại các Đơn vị thành viên. Tập trung tuyển dụng lứa cán bộ trẻ để đào tạo thế hệ PVTrans mới với khoảng 62% số lượng nhân sự tuyển mới là lứa 9X. Công tác đào tạo nội bộ (inhouse training) cũng là điểm nhấn của PVTrans trong năm 2019 trong đó các cấp quản lý chủ động đăng ký tự đào tạo đội ngũ CBCNV. PVTrans đã thực hiện 46 khóa đào tạo nội bộ, do các cán bộ lãnh đạo các cấp từ lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Ban đến Tổng giám đốc Tổng công ty đứng lớp với 666 lượt cán bộ tham dự. Các hoạt động đào tạo nội bộ đang tiếp tục được nhân rộng và sẽ dần trở thành nét văn hóa PVTrans, góp phần nâng cao trình độ cho người lao động, tạo nguồn nhân sự chủ chốt phục vụ cho sự phát triển bền vững.

h. Đẩy mạnh hoạt động quan hệ nhà đầu tư.

Năm 2019, Ban lãnh đạo tiếp tục chú trọng công tác quan hệ nhà đầu tư - IR. PVTrans đã tham gia nhiều sự kiện gặp gỡ nhà đầu tư do các công ty chứng khoán hàng đầu tổ chức. PVTrans đã tổ chức roadshow tại Thái Lan nhằm quảng bá thương hiệu PVTrans đến hơn 100 nhà đầu tư cá nhân và tổ chức tại đất nước Chùa vàng. PVTrans luôn tạo điều kiện và tổ chức giới thiệu định kỳ cho cổ đông, các quỹ đầu tư đến làm việc, tìm hiểu thông tin ngay tại trụ sở Tổng công ty. Các hoạt động IR hiệu quả, minh bạch, kịp thời giúp cổ phiếu PVT ngày càng được đánh giá cao, các quỹ đầu tư, cổ đông nước ngoài nắm giữ lâu dài, giá cổ phiếu tăng trưởng ổn định qua nhiều biến động của thị trường chứng khoán.

i. PVTrans liên tục được các tổ chức uy tín đánh giá cao.

Năm 2019 lần thứ hai liên tiếp, PVTrans lọt TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do tổ chức Forbes (Mỹ) bình chọn, Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2019 (nhóm Midcap), Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam với thứ hạng 170/500, xếp hạng 90 trong top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam của Vietnam Report, giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc” năm 2019 do tổ chức Asia Pacific Entrepreneurship Awards (APEA) trao tặng. Bên cạnh Công ty mẹ, các công ty con của PVTrans cũng đã được các tổ chức đánh giá công nhận trong đó CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương, CTCP Vận tải Khí quốc tế (Gas Shipping), CTCP Vận tải Nhật Việt nhiều năm góp mặt trong top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam. Sự ghi nhận của các tổ chức uy tín là món quà động viên tinh thần to lớn cho lãnh đạo, CBCNV mạnh mẽ đưa con tàu PVTrans vươn ra biển lớn và gặt hái những thành công mới.

j. Đảm bảo thu nhập cho người lao động, tích cực công tác an sinh xã hội.

Mặc dù áp lực cạnh tranh thị trường ngày càng khốc liệt, PVTrans vẫn đảm bảo công ăn việc làm cho 1.984 lao động, với thu nhập bình quân gần 24 triệu đồng/tháng, cao hơn năm 2018. Bên cạnh việc xây dựng một môi trường làm việc gắn bó, chuyên nghiệp, PVTrans đã có nhiều hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV như Chương trình Team Building, về nguồn, nhận được sự hưởng ứng của đông đảo CBCNV PVTrans. Trong năm 2019, PVTrans đã tài trợ 12,4 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội và hoạt động cộng đồng tại các địa phương khác nhau. Đây là lời cam kết trách nhiệm đối với an sinh xã hội, thể hiện rõ tinh thần tương thân tương ái trong văn hóa doanh nghiệp tại PVTrans.

Nhìn lại những kết quả đã đạt được trong năm 2019, mặc dù có không ít khó khăn trở ngại nhưng không thể phủ nhận được những nỗ lực cố gắng của Tập thể CBCNV PVTrans, sự năng động, sáng suốt, quyết liệt của Ban lãnh đạo PVTrans trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, những kết quả đã đạt được trong năm vừa qua còn nhờ vào sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị trong và ngoài ngành, thiện chí của các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Đặc điểm tình hình:

- Bên cạnh tình hình địa chính trị tiếp tục bất ổn tại Trung Đông và căng thẳng thương mại Mỹ-Trung dù hạ nhiệt nhưng vẫn còn phức tạp, sự bùng phát dịch bệnh COVID-19 gây tác động nặng nề đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã dự báo nền kinh tế toàn cầu sẽ giảm 3% trong năm 2020, rất có thể sẽ phải trải qua cuộc suy thoái tồi tệ nhất kể từ cuộc đại suy thoái vào những năm 1930 và thậm chí còn tồi tệ hơn cả cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Trong khi nhu cầu sử dụng nguyên liệu sụt giảm do dịch bệnh lan rộng, nguồn cung dầu thô ra thị trường tăng mạnh do việc gia hạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng của OPEC và Nga vào ngày 06/03/2020 không thành công, dẫn đến giá dầu lao dốc khoảng 50% so với các tháng đầu năm 2020, chỉ còn dao động quanh mức 20-25 USD/Brl Brent.

- Thị trường vận tải tàu dầu thô: Trong bối cảnh giá dầu trên thị trường giảm mạnh và nguồn cung dầu dồi dào, nhiều nhà đầu tư tranh thủ mua tích trữ dầu đã khiến nhu cầu thuê tàu chở dầu thô làm kho chứa và vận chuyển tăng mạnh kéo theo giá cước spot đối với tất cả các phân khúc tàu thô tăng. Đối với thị trường thuê định hạn, do người thuê tăng cường tìm kiếm và ưu tiên các hợp đồng thuê tàu ngắn hạn nên có thời điểm giá thuê tàu VLCC và Aframax thời hạn 1 năm tăng cao lần lượt lên mức khoảng 122% và 82% so với bình quân năm 2019.

- Thị trường vận tải LPG và dầu sản phẩm: Do ảnh hưởng của dịch bệnh diễn biến phức tạp, sản xuất, vận tải đình trệ, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu giảm mạnh kéo theo sản lượng vận tải sụt giảm làm cho giá cước vận tải liên tục giảm xuống mức thấp. Thị trường vận chuyển LPG và dầu sản phẩm đều sụt giảm mạnh ở tất cả các size tàu.

- Thị trường vận tải hàng rời: Theo các dự báo của các công ty môi giới có uy tín, sự mất cân đối giữa nguồn cung tàu và nhu cầu vận tải hàng khô năm 2020 (cung > cầu) làm thị trường vận tải hàng rời suy giảm. Thêm vào đó, dưới tác động của sự bùng phát dịch bệnh, nền kinh tế toàn cầu có nguy cơ suy thoái khiến cho phân khúc vận tải hàng khô đối mặt với nhiều rủi ro hơn.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2020 dự báo sẽ đạt mức 4,8% do tác động của dịch Covid-10 và sự suy giảm thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, các yếu tố nền tảng của kinh tế Việt Nam vẫn sẽ được duy trì, tăng trưởng sẽ phục hồi trở lại mức 6,8% vào năm 2021 và duy trì mạnh mẽ trong trung và dài hạn nếu dịch bệnh được khống chế trong nửa đầu năm 2020. Ngoài ra, các hiệp định thương mại song và đa phương mà Việt Nam tham gia hứa hẹn tăng cường việc tiếp cận thị trường cho Việt Nam, đây là yếu tố thiết yếu cho sự phục hồi kinh tế sau Covid-19.

2. Nhiệm vụ kế hoạch:

Với dự báo ngành vận tải dầu khí tiếp tục khó khăn trong năm 2020, PVTrans đã đề ra các nhiệm vụ kế hoạch chủ yếu như sau:

2.1 Về sản xuất kinh doanh:

- Chủ động tổ chức và thúc đẩy cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa trên cơ sở năng lực hiện có của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Phân đầu vận chuyển an toàn, kịp thời nguyên liệu dầu thô đầu vào và sản phẩm dầu khí đầu ra của NMLD Dung Quất, NMLHD Nghi Sơn do các đơn vị trong ngành phân phối. Tiếp tục tham gia vận chuyển dầu thô, các sản phẩm dầu khí trên thị trường trong và ngoài nước, cũng như cho thuê tàu trên thị trường quốc tế (cho thuê chuyến, thuê bareboat, time charter...) để khai thác tối đa năng lực đội tàu và tăng nguồn thu ngoại tệ;

- Thực hiện tốt công tác vận hành, đảm bảo khai thác an toàn, hiệu quả FSO PVN Đại Hùng Queen cho Công ty PVEP-POC, FPSO Leweck Emas tại mỏ Chim Sáo cho Công ty POVO, FPSO Sông Đốc Pride MV19 cho Công ty TNHH Dịch vụ ngoài khơi phía Nam (SPO). Tiếp tục thực hiện tốt hợp đồng Pre O&M cho dự án phát triển mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt của Idemitsu, không để xảy ra sự cố dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật và khiếu nại từ phía khách hàng về chất lượng dịch vụ.

- Đẩy mạnh marketing, khai thác và tham gia vận chuyển than cho các nhà máy nhiệt điện chạy than cho EVN, TKV, PVN. Chủ động huy động đầu tư phương tiện vận tải phù hợp đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, đảm bảo hiệu quả đầu tư. Xây dựng các phương án cấp than, vận chuyển và chuyển tải cho nhà máy.

- Phát triển các loại hình dịch vụ có liên quan nhằm tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn như: Dịch vụ hàng hải dầu khí, dịch vụ đại lý hàng hải, logistic, dịch vụ vận tải đường bộ, vận tải khác. Tăng cường công tác vận chuyển vật tư thiết bị và hàng hóa (đạm, hạt nhựa, xơ sợi...) cho các đơn vị trong và ngoài ngành;

- Duy trì ổn định hoạt động kinh doanh và vận tải LPG, CNG tìm kiếm và phát triển thị trường kinh doanh LPG, CNG để tăng doanh thu, lợi nhuận;

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ các chỉ số tài chính của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty. Tập trung chỉ đạo các đơn vị thành viên phát triển sản xuất, tiết giảm chi phí, cân đối dòng tiền hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của cổ đông;

2.2 Về đầu tư:

- Triển khai đầu tư theo quy định của pháp luật, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả. Hoàn tất thủ tục lập và trình phê duyệt đối với dự án đầu tư tàu; Thực hiện đồng bộ các giải pháp để kiểm soát tiến độ dự án, đảm bảo đầu tư và giải ngân vốn đầu tư dự án đúng tiến độ được phê duyệt.

2.3 Về tài chính:

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông tại đơn vị, duy trì và nâng cao các chỉ số đảm bảo an toàn hoạt động tài chính của đơn vị.

- Hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ năm 2020 theo quy định của pháp luật và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn để phục vụ đầu tư (vay vốn ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp), đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của nhà nước và pháp luật.

2.4 Nhiệm vụ khác

- Xây dựng và chuẩn hóa môi trường làm việc chuyên nghiệp trong toàn Tổng công ty. Tiếp tục xây dựng văn hóa và thương hiệu PV Trans gắn liền với văn hoá và thương hiệu PetroVietnam.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội. Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong Tổng công ty.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2020

3.1 Kế hoạch SXKD Tổng công ty:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch hợp nhất	Kế hoạch Cty mẹ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.200,0	2.500,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	550,0	340,0
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	433,0	302,1
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	273,5	121,2

3.2 Công tác đầu tư:

a. Tại Công ty mẹ:

- Đầu tư 01 tàu chở hàng rời khoảng 50.000-80.000 DWT.
- Đầu tư 01 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT
- Đầu tư 01 tàu chở dầu thô Aframax khoảng 105.000-120.000 DWT
- Đầu tư 01 tàu chở hàng rời Handy size khoảng 25.000-39.999 DWT
- Góp vốn vào Công ty Phương Đông Việt, Công ty Nhật Việt Trans và Công ty Gas Shipping.

b. Tại đơn vị thành viên:

- Công ty PVTrans Pacific đầu tư 01 tàu vận chuyển dầu thô cỡ VLCC và 01 tàu vận chuyển dầu thô cỡ Aframax.
- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế đầu tư 01 tàu VLGC có sức chở đến 85.000 CBM.
- Công ty Nhật Việt đầu tư 01 tàu/salan chở than trọng tải 10.000 -15.000 DWT và 01 tàu VLGC có sức chở đến khoảng 80.000-85.000 CBM.
- Công ty Phương Đông Việt đầu tư 02 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 13.000- 25.000 DWT và 01 tàu loại Handy size.
- Công ty PVTrans Vũng Tàu đầu tư 01 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT.
- Công ty PVTrans Hà Nội đầu tư 01 tàu loại Handy size.
- Công ty PVTrans Đông Dương đầu tư 01 tàu loại Handy size.

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch:

4.1. Giải pháp về kinh doanh, khai thác:

- Vận tải dầu thô trong nước: Tổ chức khai thác tàu phù hợp, đảm bảo vận chuyển an toàn, kịp thời toàn bộ nguyên liệu dầu thô đầu vào (kể cả dầu thô nhập khẩu) và sản phẩm đầu ra của NMLD Dung Quất phục vụ các đơn vị trong ngành.
- Tiếp tục tham gia vận chuyển dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường trong và ngoài nước, nghiên cứu kỹ thị trường để lựa chọn hình thức khai thác tàu phù hợp, nhằm sử dụng tối đa năng lực đội tàu hiện có. Quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động của các tàu vận tải sản phẩm dầu hoạt động tại các vùng rủi ro cao, đồng thời có phương án kinh doanh dự phòng.
- Tiếp tục tăng cường làm việc với PetroVietnam, đối tác KPC/PKI để PVTrans dành được quyền tham gia vận chuyển dài hạn nguồn nguyên liệu dầu thô đầu vào và sản phẩm đầu ra cho NMLHD Nghi Sơn.
- Tiếp tục làm việc với khách hàng để cung cấp dịch vụ vận chuyển, chuyển tải than phục vụ cho dự án NMNĐ Duyên Hải 3. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan để theo sát tiến độ dự án, hoàn thiện phương án chi tiết vận chuyển than cho các dự án NMNĐ khác do PetroVietnam đầu tư (NMNĐ Long Phú 1, Sông Hậu 1); Ký kết chính thức Hợp đồng Nguyên tắc cung cấp dịch vụ chuỗi cung ứng vận chuyển than cho các Nhà máy này. Ngoài ra, Tổng công ty dự kiến đầu tư phương tiện tàu vận chuyển quốc tế, chuyển tải kết hợp tìm kiếm đối tác cung cấp phương tiện, dịch vụ ngoài nếu dành được quyền phục vụ công tác vận chuyển nguồn than nhập khẩu với sản lượng tối thiểu 50% nhu cầu các NMNĐ Long Phú 1 và Sông Hậu 1.
- Tổ chức thực hiện vận chuyển CNG cho Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, LPG cho Nhà máy GPP Cà Mau. Từng bước nâng cao khối lượng, chất lượng dịch vụ vận chuyển sản phẩm của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và Nhà máy Đạm Cà Mau; Tích cực tham gia cung ứng dịch vụ liên quan cho các dự án khác của PetroVietnam khẳng định vị thế là đơn vị vận tải mạnh và duy nhất của PetroVietnam.
- Cùng cố, nâng cao năng lực quản lý tàu, tăng cường công tác giám sát kỹ thuật, có kế hoạch sửa chữa và bảo dưỡng hợp lý nhằm hạn chế thời gian dừng tàu vì lý do kỹ thuật, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đảm bảo tổ chức sửa chữa định kỳ

(drydock) các tàu trong thời gian và ngân sách phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu khai thác.

- Không để xảy ra sự cố liên quan đến cháy nổ, ô nhiễm môi trường, thương tật đối với con người. Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật và vận hành tàu ở trạng thái tốt, phần đầu lấy được giấy chứng nhận của các chủ hàng lớn (Oil Majors) để có thể đưa tàu khai thác trên thị trường quốc tế;

- Quản lý, vận hành, khai thác an toàn và hiệu quả và đảm bảo không để xảy ra sự cố dừng sản xuất của FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, tàu FPSO Lewek Emas cho Premier Oil tại mỏ Chim Sáo và thực hiện hợp đồng O&M dự án FPSO Sông Đốc Pride MV19 cho Công ty TNHH Dịch vụ ngoài khơi phía nam (SPO) và hợp đồng Pre O&M cho dự án phát triển mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt của Indemitsu.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển các dịch vụ có liên quan như: Cung cấp vật tư thiết bị, đại lý hàng hải, cung cấp toàn bộ dịch vụ đại lý hàng hải cho đội tàu của PVTrans hoạt động trong nước. Tiếp tục tham gia kinh doanh thương mại (LPG, xăng dầu...) nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, đồng thời kiểm soát chặt chẽ để hạn chế phát sinh công nợ quá hạn.

4.2. Giải pháp về quản lý quản trị, tài chính:

- Để có nguồn vốn tiếp tục đầu tư trẻ hóa đội tàu đảm bảo sự phát triển ổn định của PVTrans trong thời gian tới, PVTrans dự kiến tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với mức 15% VDL trong năm 2020. Sau khi phát hành, VDL PVTrans tăng từ 2.814 tỷ đồng lên 3.236 tỷ đồng.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Tăng cường công tác quản lý tại các đơn vị thành viên.

- Quản lý chặt chẽ định mức tiêu hao nhiên liệu, hao hụt hàng hóa, ngân sách tàu, chi phí khai thác và sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đà tàu, chi phí quản lý, hoàn thiện và xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, hệ thống các quy trình, quy chế, tăng cường tiết kiệm chi phí, hợp lý hóa sản xuất. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn Tổng công ty.

- Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo thuyền viên có chất lượng cao thực hiện xuất khẩu thuyền viên cho các hãng tàu nước ngoài, triệt để tiết kiệm chi phí vận hành. Tiếp tục giữ ổn định và không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự đã thay thế bằng nhân sự Việt Nam trên các đội tàu, kho nổi.

- Tăng cường công tác quản trị tài chính, nhằm đảm bảo cân đối tài chính trong toàn Tổng công ty, đảm bảo dòng tiền hoạt động, duy trì các chỉ số tài chính ổn định, chủ động tìm kiếm, thu xếp vốn và ngoại tệ đầy đủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Tiếp tục xử lý và cân đối tài chính tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên để đảm bảo duy trì các chỉ số tài chính ổn định, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện mô hình và cơ cấu tổ chức của PVTrans để phát triển PVTrans thành một công ty vận tải quốc tế, có môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại. Cập nhật và áp dụng hiệu quả các hệ thống quản lý và tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Áp dụng hiệu quả và thiết thực hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, phù hợp với công tác quản lý thực tế tại đơn vị. Đảm bảo hệ thống quản lý an toàn quốc tế ISM Code được áp dụng một cách hiệu quả trên đội tàu.

Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên như về khai thác, thị trường, công nợ... và sẵn sàng các biện pháp để giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra

Xin trân trọng cảm ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Anh

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị hiện tại của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí bao gồm 06 thành viên, cụ thể như sau:

1. Ông Đoàn Văn Nhuộm - Chủ tịch HĐQT (được bầu đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-VTDK - ĐHĐCĐ ngày 05/3/2019 và Nghị quyết của HĐQT số 09/NQ-VTDK-HQĐT)

2. Ông Phạm Việt Anh - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

3. Ông Mai Thế Toàn - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.

4. Ông Lê Mạnh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Pacific.

5. Ông Phạm Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT

6. Ông Nguyễn Quốc Phương - Ủy viên HĐQT (đã ủy quyền cho bà Nguyễn Linh Giang kể từ ngày 27/12/2018).

Trong năm 2019 có sự thay đổi về thành viên HĐQT, cụ thể:

1. Ông Đoàn Văn Nhuộm được bầu đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT thay cho ông Nguyễn Xuân Sơn – chủ tịch HĐQT nghỉ hưu kể từ ngày 05/3/2019.

2. Ông Đào Mạnh Tiến thôi đảm nhiệm chức danh thành viên HĐQT để nghỉ theo chế độ kể từ ngày 30/8/2019.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Vận tải Dầu khí hoạt động theo Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phối hợp giữa HĐQT và Tổng giám đốc của Tổng công ty ban hành tại Quyết định số 54/QĐ-VTDK-HQĐT ngày 30/08/2011.

2. Hoạt động của HĐQT Tổng công ty

Năm 2019 tiếp tục là một năm nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng đối mặt với nhiều biến động. Nhận thức sâu sắc những khó khăn, thuận lợi của PVTrans trong bối cảnh chung của thế giới cũng như trong nước và của ngành Dầu khí, HĐQT PVTrans ngay từ đầu năm đã chủ động thực hiện những giải pháp quyết liệt, thiết thực và đồng bộ tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng lớn đến Chiến lược, việc thực hiện các mục tiêu chủ yếu của năm 2019 và định hướng đến năm 2025.

HQĐT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao phó, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Tổng công ty.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc tìm kiếm những giải

pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2019;

Với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Cổ đông và Tổng công ty, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác quản trị, điều hành của HĐQT, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT và kết quả năm 2019 Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

Theo kết quả báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019, PVTrans đạt mức lợi nhuận trước thuế là 1.016,2 tỷ đồng, cao nhất kể từ ngày thành lập, vượt 103% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao, tăng 4% so với lợi nhuận trước thuế năm 2018. PVTrans là một trong 03 đơn vị có tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ cao nhất của Tập đoàn Dầu khí và lần thứ hai được tổ chức Forbes (Mỹ) lựa chọn vào danh sách Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất tại thị trường chứng khoán Việt Nam (Top 50 Best Listed companies in Viet Nam 2019). Ngoài ra, PVTrans còn được bình chọn là Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2019 (nhóm Midcap), Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam với thứ hạng 170/500, xếp hạng 90 trong top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam của Vietnam Report, giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc” năm 2019 do tổ chức Asia Pacific Entrepreneurship Awards (APEA) trao tặng.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

1) Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính hợp nhất năm 2019:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH 2019	Tỷ lệ TH/TH 2018
1	Doanh thu	5.500,0	8.047	146%	102%
2	Lợi nhuận trước thuế	500,0	1.016,2	203%	104%
3	Lợi nhuận sau thuế	400,0	820,7	205%	105%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	228,2	561,3	246%	105%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	18%	36,10%	203%	104%

2) Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ năm 2019.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH 2019	Tỷ lệ TH/TH 2018
1	Doanh thu	2.250,0	3.102,3	138%	97%
2	Lợi nhuận trước thuế	310,0	735,5	237%	127%
3	Lợi nhuận sau thuế	260,0	628	242%	129%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	115,8	229,1	198%	96%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	11%	26%	238%	127%

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, tuân thủ quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của PVTrans, quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan, hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công, cụ thể như sau:

1) Ông Đoàn Văn Nhuộm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty.
- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT.
- Lãnh vực chiến lược.
- Công tác tổ chức nhân sự; đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Công tác quản lý vốn.
- Thực hiện công việc khác không phân công cho các thành viên HĐQT.

*** Kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- Điều hành hoạt động của HĐQT đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Cùng với các thành viên trong HĐQT tích cực chỉ đạo/phối hợp Ban điều hành Tổng công ty để đưa ra những giải pháp quyết liệt, thiết thực, đồng bộ tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng lớn tới Tổng công ty.
- Luôn chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, HĐQT đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

2) Ông Phạm Việt Anh - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

- Công tác sản xuất - kinh doanh, phát triển thị trường.
- Công tác tài chính kế toán.
- Công tác đối ngoại, hợp tác kinh doanh.
- Công tác kế hoạch.
- Công tác phát triển nguồn nhân lực.
- Công tác công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

*** Kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- Tích cực, chủ động và gương mẫu thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công.
- Có tinh thần trách nhiệm cao, sáng tạo, linh hoạt trong công tác điều hành.
- Nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Tổng công ty, kịp thời đưa ra những giải pháp/ chỉ thị sâu rộng nhằm chấn chỉnh công tác quản lý giám sát, tháo gỡ các khó khăn, mang lại sự ổn định và phát triển bền vững cho Tổng công ty, nâng cao vị thế, uy tín của Tổng công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.
- Điều hành Tổng công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3) Ông Mai Thế Toàn - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy định, Định mức quản lý nội bộ.
- Giám sát Công ty Pacific, OFS, PPS.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

*** Tình hình thực hiện nhiệm vụ:**

- Tích cực, chủ động thực hiện một theo chức năng nhiệm vụ được phân công,
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4) Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Công tác đầu tư.
- Công tác xây dựng, phát triển thương hiệu và quan hệ cổ đông.
- Công tác quản trị rủi ro.
- Chỉ đạo hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ theo quy chế hoạt động của Ban KTNB.
- Giám sát PSM, Công ty Nhật Việt.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

*** Tình hình thực hiện nhiệm vụ:**

- Tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công,
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5) Ông Lê Mạnh Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giám sát PVTrans Quảng Ngãi, Gas Shipping, Phương Đông Việt.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

*** Tình hình thực hiện nhiệm vụ:**

- Tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công,
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

6) Ông Nguyễn Quốc Phương - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Phối hợp các tổ chức Đoàn thể trong Tổng công ty.
- Giám sát Công ty PVTrans Vũng Tàu, Công ty Phương Nam.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

(kể từ ngày 27/12/2018 ông Nguyễn Quốc Phương đã ủy quyền cho bà Nguyễn Linh Giang đối với các quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đối với chức vụ thành viên HĐQT và đã được HĐQT thông qua)

*** Tình hình thực hiện nhiệm vụ:**

- Tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công,
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

7) Ông Đào Mạnh Tiến

- Giám sát PVTrans Hà Nội, Công ty Đông Dương.
- Công tác đối ngoại, nội chính và phối hợp các tổ chức đoàn thể khu vực phía Bắc.

- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

(Kể từ ngày 30/8/2019 ông Đào Mạnh Tiến thôi đảm nhiệm chức danh thành viên HĐQT để nghỉ theo chế độ.)

*** Tình hình thực hiện nhiệm vụ:**

- Tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công,
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2019, cụ thể như sau

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm: Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm là 3.000.000 đồng/người/tháng; Kiểm soát viên kiêm nhiệm là 2.000.000 đồng/người/tháng, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao kiêm nhiệm thực hiện đối với 04 thành viên HĐQT và 02 Kiểm soát viên trong năm 2019 là 192.000.000 đồng.

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty: Mức tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT chuyên trách (04 người, trong đó có 01 thành viên đảm nhận chức vụ 04 tháng, 01 thành viên đảm nhận chức vụ 08 tháng) là 3.496.399.715 đồng và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là 915.630.691 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân).

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận tuân thủ đầy đủ và kịp thời, đúng hạn việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định gồm: Báo cáo chi tiết tình hình SXKD hàng tháng, hàng quý; báo cáo tài chính các quý, năm 2019, các báo cáo khác và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Năm 2019, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Tổng công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trong năm tài chính 2019, cụ thể là:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực.
- Công tác đầu tư tiếp tục được thực hiện một cách cẩn trọng, đạt hiệu quả tốt trên cơ sở đánh giá một cách đầy đủ, chính xác về thị trường mua bán tàu cũng như thị trường vận tải nhằm đạt mục tiêu đầu tư một cách hợp lý đồng thời với việc khai thác hiệu quả để nâng cao năng lực vận tải, trẻ hóa đội tàu với chi phí hợp lý.
- Công tác đầu tư vốn vào các đơn vị thành viên cũng được quan tâm triển khai một cách tích cực nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. PVTrans đã hoàn tất phương án tăng vốn của một số đơn vị thành viên theo kế hoạch đề ra.

- Đảm bảo thu nhập, đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.

Tổng công ty hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ đã phê duyệt, tất cả các công ty, đơn vị trực thuộc đều kinh doanh có lãi, kết quả đó chứng tỏ sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm của toàn bộ tập thể Ban Tổng giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được vẫn còn một số hạn chế cần được Ban điều hành khắc phục trong năm 2020 để đảm bảo duy trì tốc độ phát triển Tổng công ty.

6. Các quyết định của HĐQT năm 2019

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng, quý để rà soát lại các hoạt động giám sát điều hành của HĐQT đã thực hiện trong quý và đề ra các kế hoạch hoạt động của tháng, quý tiếp theo, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, đại diện Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc với các Ban chức năng, các đơn vị thành viên để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi, bàn bạc cùng Tổng giám đốc, chủ trì/dồng chủ trì nhiều cuộc họp, hội nghị quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cấu trúc, đầu tư, nhân sự ... của Tổng công ty, xem xét các báo cáo đánh giá của các Ban chuyên môn về hoạt động SXKD của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 4 cuộc họp định kỳ (1 quý 1 lần) và 73 cuộc họp, thảo luận dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp HĐQT đã ban hành 80 Nghị quyết và 11 Quyết định về những vấn đề quan trọng của Tổng công ty như phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2019 của Tổng công ty, phê duyệt các dự án đầu tư mua tàu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, tăng vốn tại một số đơn vị thành viên, sửa đổi bổ sung quy chế trả lương, trả thưởng, công tác cán bộ ... làm cơ sở cho Tổng giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất - kinh doanh (danh sách các NQ/QĐ đã ban hành năm 2019 theo Phụ lục đính kèm).

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2020:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tổng doanh thu	6.200,0	2.500,0
2	Lợi nhuận trước thuế	550,0	340,0
3	Lợi nhuận sau thuế	433,0	302,1
4	Nộp ngân sách NN	273,5	121,2
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân	14,0%	10,0%

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của HĐQT:

➤ Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng, trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, cũng như tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, trong đó chú trọng chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cụ thể như sau.

- Phân đầu vận chuyển an toàn, kịp thời nguyên liệu dầu thô đầu vào và sản phẩm dầu khí đầu ra của NMLD Dung Quất, NMLHD Nghi Sơn do các đơn vị trong ngành phân phối. Tiếp tục tham gia vận chuyển dầu thô, các sản phẩm dầu khí trên thị trường trong và ngoài nước, cũng như cho thuê tàu trên thị trường quốc tế (cho thuê chuyến, thuê bareboat, time charter...) để khai thác tối đa năng lực đội tàu và tăng nguồn thu ngoại tệ;

- Thực hiện tốt công tác vận hành, đảm bảo khai thác an toàn, hiệu quả FSO PVN Đại Hùng Queen cho Công ty PVEP-POC, FPSO Leweck Emas tại mỏ Chim Sáo cho Công ty POVO, FPSO Sông Đốc Pride MV19 cho Công ty TNHH Dịch vụ ngoài khơi phía Nam (SPO). Tiếp tục thực hiện tốt hợp đồng Pre O&M cho dự án phát triển mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt của Idemitsu, không để xảy ra sự cố dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật và khiếu nại từ phía khách hàng về chất lượng dịch vụ.

- Đẩy mạnh marketing, khai thác và tham gia vận chuyển than cho các nhà máy nhiệt điện chạy than cho EVN, TKV, PVN. Chủ động huy động đầu tư phương tiện vận tải phù hợp đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, đảm bảo hiệu quả đầu tư. Xây dựng các phương án cấp than, vận chuyển và chuyển tải cho nhà máy.

- Phát triển các loại hình dịch vụ có liên quan nhằm tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn như: Dịch vụ hàng hải dầu khí, dịch vụ đại lý hàng hải, logistic, dịch vụ vận tải đường bộ, vận tải khác. Tăng cường công tác vận chuyển vật tư thiết bị và hàng hóa (đạm, hạt nhựa, xơ sợi...) cho các đơn vị trong và ngoài ngành;

- Duy trì ổn định hoạt động kinh doanh và vận tải LPG, CNG tìm kiếm và phát triển thị trường kinh doanh LPG, CNG để tăng doanh thu, lợi nhuận;

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ các chỉ số tài chính của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty. Tập trung chỉ đạo các đơn vị thành viên phát triển sản xuất, tiết giảm chi phí, cân đối dòng tiền hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh;

➤ Thực hiện công tác quản lý, giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời chỉ đạo, phối hợp Ban điều hành đưa ra các giải pháp đầu tư đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả nhằm phát triển đội tàu nâng cao năng lực vận chuyển tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững và ổn định của Tổng công ty trong tương lai.

➤ Đẩy mạnh công tác tái cấu trúc tổng thể PVTrans khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, triệt để giải quyết các tồn tại, khó khăn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên để nâng cao năng lực vận chuyển, tái cấu trúc đội tàu, tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng cơ hội phát triển của PVTrans trong giai đoạn sắp tới.

➤ Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ các chỉ số tài chính của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty, cân đối dòng tiền hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thực hiện tối ưu hoá chi phí đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí từng khâu trong chuỗi cung ứng dịch vụ để từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty con và toàn Tổng công ty;

➤ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp

với quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng Tổng công ty.

➤ Xây dựng, tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý, quản trị doanh nghiệp và nhân lực có chuyên môn cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

➤ Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Tổng công ty. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để Người lao động hăng say cống hiến, phát huy trí lực, toàn tâm vì sự phát triển vững mạnh của Tổng công ty.

III. KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2019, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, tập thể ban lãnh đạo Tổng công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Tổng công ty Vận tải Dầu khí, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao và tiếp tục đưa Tổng công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của Tổng công ty và không ngừng gia tăng các lợi ích cho các cổ đông.

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Thay mặt Ban kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo trước Đại hội kết quả công tác kiểm tra, giám sát năm 2019 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

PHẦN I

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2019

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí có 03 thành viên gồm 01 chuyên trách, 02 kiêm nhiệm. Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí; Căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

*** Bà Nguyễn Thị Kim Anh – Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty**

Chịu trách nhiệm chung các hoạt động của Ban kiểm soát, thay mặt Ban kiểm soát ký ban hành các quyết định, văn bản của Ban kiểm soát; Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng quý/năm của Ban kiểm soát; Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty, công tác lập kế hoạch hàng năm; Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty; Giám sát hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và các đơn vị thành viên; Lập báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính và một số báo cáo khác.

*** Ông Phạm Văn Hưng – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm**

Giám sát công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp tại Tổng Công ty; Giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư góp vốn, công tác đầu tư phát triển các dự án hợp tác kinh doanh, dự án liên doanh liên kết của Tổng công ty; Phối hợp với các đoàn kiểm tra khi thực hiện các đợt kiểm tra tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên khi được phân công.

*** Ông Kim Kwang Hyuk - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm**

Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội cổ đông phê duyệt; Thẩm định các chỉ tiêu tài chính để đánh giá hiệu quả hoạt động, việc sử dụng và bảo toàn vốn tại Tổng công ty; Hỗ trợ Ban kiểm soát cập nhật các thông tin về tình hình tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước.

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua; Bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ,

kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty; Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, tập thể Người đại diện tại PVTrans; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu. Các Thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty.

Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp để lấy ý kiến của các thành viên thông qua các nội dung các văn bản trước khi ban hành.

Nội dung lần họp thứ nhất: Xem xét đánh giá, lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, kiểm toán báo cáo tài chính năm của năm tài chính 2019.

Nội dung lần họp thứ hai: Ban kiểm soát tiến hành họp để rà soát phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát cũng như thông qua kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019.

Nội dung lần họp thứ ba: Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty.

Nội dung lần họp thứ tư: Thông qua Báo cáo hoạt động của năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát; Lựa chọn công ty kiểm toán cho kỳ báo cáo năm 2020 trình ĐHĐCĐ.

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban kiểm soát được thực hiện theo Quy chế trả lương của Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí, phù hợp với quy định, hướng dẫn của Nghị định 53/2016/NĐ-CP và thông tư 28/2016/TTBLĐTBXH của Bộ lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định 53/2016/NĐ-CP. Các chi phí hành chính và liên quan phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính, quy chế tài chính, các quy định nội bộ của PVTrans.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc trong năm	Thù lao và các lợi ích khác đã bao gồm thuế
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	12 tháng	915.630.691
2	Phạm Văn Hưng	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	12 tháng	24.000.000
3	Kim Kwang Hyuk	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	12 tháng	24.000.000
	Tổng cộng			963.630.691

2. Kết quả kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Tổng công ty:

Nhìn chung, công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty trong năm 2019 phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT PVTrans, các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 73 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 80 nghị quyết và 11 quyết định để quản lý các hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện. HĐQT đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Tổng công ty thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Ban Tổng giám đốc đã đánh giá đầy đủ các thuận lợi, khó khăn, thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón đầu cơ hội; Đồng thời tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; Thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn, tích cực mở rộng và giữ thị trường, đẩy mạnh công tác đầu tư trên toàn Tổng công ty, tái cơ cấu tại các đơn vị thành viên; Đã phê duyệt và ban hành một loạt các nghị quyết, quyết định quan trọng liên quan đến công tác các bộ tại Tổng công ty cũng như tại các đơn vị thành viên. Thực hiện đổi mới công tác tiền lương, tiền thưởng của PVTrans, đồng thời ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách cho người đại diện phần vốn, cán bộ quản lý của Tổng công ty tại các đơn vị.

3. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty:

Nền kinh tế quốc tế trong năm 2019 đối diện nhiều rủi ro khi các nền kinh tế chủ chốt tiếp tục thể hiện nhiều bất ổn tác động đến thị trường vận tải hàng hóa. Những bất ổn xung đột chính trị, chính sách, việc cấm vận giữa các nước lớn làm giá dầu biến động khó lường ảnh hưởng thị trường vận tải quốc tế của PVTrans. Mặt khác, sự thay đổi chính sách của Nhà nước (khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, tạo một môi trường cạnh tranh mạnh mẽ hơn, khốc liệt hơn) cùng với việc chậm tiến độ đầu tư của các nhà máy điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng làm ảnh hưởng đến thị trường vận chuyển nội địa và kế hoạch phát triển đội tàu của PVTrans. Phát huy những thành tựu đã đạt được, năm 2019 PVTrans kiên trì thực hiện tốt chiến lược phát triển, triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, xử lý tháo gỡ cho các đơn vị khó khăn để toàn Tổng công ty đều hoạt động ổn định. Do vậy, PVTrans và các đơn vị thành viên đều hoạt động có lãi.

Kết quả đạt được (*Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019*):

Số liệu hợp nhất:

- Doanh thu và thu nhập khác: 8.047 tỷ đồng (đạt 146% kế hoạch);
- Lợi nhuận trước thuế: 1.016,2 tỷ đồng (đạt 203% kế hoạch);
- Lợi nhuận sau thuế: 820,7 tỷ đồng (đạt 205% kế hoạch);
- Nộp ngân sách Nhà nước: 561,3 tỷ đồng (đạt 246% kế hoạch).

Số liệu Công ty mẹ:

- Doanh thu và thu nhập khác: 3.102,3 tỷ đồng (đạt 138% kế hoạch);
 - Lợi nhuận trước thuế: 735,5 tỷ đồng (đạt 237% kế hoạch);
 - Lợi nhuận sau thuế: 628 tỷ đồng (đạt 242% kế hoạch);
 - Nộp ngân sách Nhà nước: 229,1 tỷ đồng (đạt 198% kế hoạch).
-
- Tổng tài sản hợp nhất đến 31/12/2019 là 10.997 tỷ đồng, tăng 795 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018.
 - Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2019 đạt 14,4%.
 - Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế/Tổng Tài sản (ROA) năm 2019 đạt 7,5%.
 - Hệ số nợ/Tổng tài sản thời điểm 31/12/2019 là 0,48 lần, đảm bảo mức an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.
 - Hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm 31/12/2019 đạt 1,1 lần so với năm trước (Vốn CSH hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019 là 5.691 tỷ đồng/Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2018 là 5.140 tỷ đồng). PVTrans đã bảo toàn và phát triển được vốn.

4. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông:

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty. Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên cũng như tại bộ máy điều hành Tổng công ty để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước. Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến kiến nghị gì từ phía các cơ quan quản lý cũng như các cổ đông.

5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Tổng công ty năm tài chính 2019 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019.

- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được thực hiện kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty.

- Trong năm 2019, PVPrans đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định.

- Tổng công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết trên Sở GDCK Hồ Chí Minh theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Kết luận và kiến nghị

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 của Tổng công ty trình Đại hội.

Đề hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2020, Ban kiểm soát kính đề nghị lãnh đạo Tổng công ty:

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Tổng công ty;

- Tiếp tục hỗ trợ các công ty thành viên kinh doanh còn khó khăn;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên.

PHẦN II

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra/giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty.

- Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý/năm; giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư của Tổng công ty.

- Giám sát việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và thường niên năm 2020.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2020.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Số: ____/TTr-VTDK-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v Phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ về việc thông qua các nội dung ĐHĐCĐ năm 2019 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans), PVTrans đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán đã hoàn thành.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ đã được kiểm toán, kết quả sản xuất kinh doanh của PVTrans trong năm 2019 như sau:

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch toàn Tổng công ty (hợp nhất):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH 2019
1	Doanh thu	5.500,0	8.047	146%
2	Lợi nhuận trước thuế	500,0	1.016,2	203%
3	Lợi nhuận sau thuế	400,0	820,7	205%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	228,2	561,3	246%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	18%	36,10%	203%

2.2. Thực hiện kế hoạch Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH/KH năm 2019
1	Vốn điều lệ	2.814,4	2.814,4	100%
2	Doanh thu	2.250,0	3.102,3	138%
3	Lợi nhuận trước thuế	310,0	735,5	237%
4	Lợi nhuận sau thuế	260,0	628	242%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	11%	26%	238%
6	Nộp ngân sách Nhà nước	115,8	229,1	198%

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm

Số: ____/TTr-VTDK-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Căn cứ tình hình thị trường và năng lực của đơn vị, Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2020

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Hợp Nhất	Công ty mẹ
1	Vốn điều lệ	3.236,6	3.236,6
2	Tổng doanh thu	6.200,0	2.500,0
3	Lợi nhuận trước thuế	550,0	340,0
4	Lợi nhuận sau thuế	433,0	302,1
5	Nộp ngân sách Nhà nước	273,5	121,2

2. Các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư

2.1 Kế hoạch đầu tư toàn Tổng công ty (Công ty mẹ và các ĐVTV)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó	
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
I	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	7.420,93	2.766,28	4.654,65
1	Ngoại tệ	Tr.USD	293,02	97,40	195,62
2	Nội tệ	Tỷ đồng	534,96	477,38	57,58

2.2 Kế hoạch đầu tư và mua sắm trang thiết bị của Công ty mẹ PV Trans:

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch
A	Công ty mẹ	
I	Tổng vốn đầu tư	2.116,51
1	Đầu tư tài	1.668,5
2	Mua sắm trang thiết bị	2,0
3	Đầu tư góp vốn vào các ĐVTV	446,0
II	Nguồn vốn	2.116,5
1	Vốn chủ sở hữu	970,18
2	Vốn vay + khác	1.146,33
B	Các ĐVTV	
	Nguồn vốn	5.304,42
1	Vốn chủ sở hữu	1.796,10
2	Vốn vay + khác	3.508,32
	Tổng cộng	7.420,93

Ghi chú: - Tỷ giá kế hoạch năm 2020: 1 USD = 23.500 VNĐ

- Chi tiết tại phụ lục gửi kèm.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu cần) để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Tổng công ty trong năm 2020.

Kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm

Phụ lục 1
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 CỦA CÔNG TY MẸ

Stt	Tên dự án		Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
1	2	3	4	5	6	7
A	Các dự án đầu tư công ty mẹ	Tỷ đồng	2.116,51	970,18	1.146,33	
	- Ngoại tệ	Tr. USD	71,0	22,22	48,78	
	- Nội tệ	Tỷ đồng	448,01	448,01	-	
I	Dự án đầu tư tàu	Tr. USD	71,0	22,22	48,78	
1	Đầu tư 01 tàu chở hàng rời khoảng 50.000-80.000 DWT	Tr. USD	15,0	4,50	10,50	Chuyển tiếp từ năm 2019
2	Đầu tư 01 tàu chở dầu SP/hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT	Tr. USD	19,5	5,85	13,65	
3	Đầu tư 01 tàu chở dầu thô Aframax khoảng 105.000-120.000 DWT	Tr. USD	26,5	8,02	18,48	
4	Đầu tư 01 tàu chở hàng rời loại Handy size khoảng 25.000-39.999 DWT hoặc 01 tàu chở dầu SP/hóa chất khoảng 10.000 -15.000 DWT	Tr. USD	10,0	3,85	6,15	
II	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	446,0	446,0	-	
1	Góp vốn bổ sung NVTrans	Tỷ đồng	204,0	204,0	-	Trong đó: 51 tỷ đồng chuyển tiếp từ KH 2019, 153 tỷ đồng góp mới trong năm 2020 để duy trì tỷ lệ sở hữu 51%
2	Góp vốn bổ sung PVTrans Oil	Tỷ đồng	107,0	107,0	-	Chuyển tiếp từ năm 2019
3	Góp vốn bổ sung Công ty Gas Shipping	Tỷ đồng	135,0	135,0	-	
III	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	2,01	2,01	-	

Ghi chú: - Tỷ giá kế hoạch năm 2020: 1 USD = 23.500 VN

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 CỦA CÁC ĐVTV

STT	Tên dự án	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
B	Các dự án đầu tư ĐVTV	Tỷ đồng	5.304,42	1.796,10	3.508,32	
	- Ngoại tệ	Tr. USD	222,02	75,18	146,84	
	- Nội tệ	Tỷ đồng	86,95	29,37	57,58	
1	<u>Công ty PVTrans Pacific (Thái Bình Dương)</u>					
	Đầu tư 01 tàu dầu thô VLCC	Triệu USD	42,54	12,86	29,68	Chuyển tiếp từ năm 2019 sang năm 2020
	Đầu tư 01 tàu dầu thô Aframax	Triệu USD	26,52	8,04	18,48	Đầu tư mới của năm 2020
2	<u>Công ty Gas Shipping</u>					
	Đầu tư 01 tàu VLGC có sức chở đến khoảng 85.000 cbm	Triệu USD	42,55	13,85	28,70	Chuyển tiếp từ năm 2019 sang năm 2020
3	<u>Công ty Nhật Việt</u>					
	Đầu tư 01 tàu/sà lan chở than trọng tải khoảng 10.000 - 15.000 DWT	Tỷ đồng	86,95	29,37	57,58	Chuyển tiếp từ năm 2019 sang năm 2020
	Đầu tư 01 tàu VLGC có sức chở đến khoảng 80.000-85.000 CBM	Triệu USD	41,60	17,60	24,00	Đầu tư mới của năm 2020
4	<u>Công ty Phương Đông Việt</u>					
	Đầu tư 02 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 13.000-20.000 DWT hoặc đầu tư 02 tàu bao gồm: 01 tàu chở hàng rời Handysize trọng tải khoảng 22.000-32.000 DWT và 01 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 - 20.000 DWT.	Triệu USD	29,27	9,88	19,39	Chuyển tiếp từ năm 2019
5	<u>Công ty PVT Vũng Tàu</u>					
	Đầu tư 01 tàu chở dầu sản phẩm/ hóa chất khoảng 10.000- 25.000 DWT	Triệu USD	19,50	5,85	13,65	Đầu tư mới năm 2020
6	<u>Công ty PVT Hà Nội</u>					
	Đầu tư 01 tàu chở hàng rời loại Handy size hoặc 01 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải 10.000-15.000 DWT	Triệu USD	10,02	3,87	6,15	Đầu tư mới năm 2020
7	<u>Công ty Đông Dương</u>					
	Đầu tư 01 tàu chở hàng rời loại Handy size hoặc 01 tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải 10.000-15.000 DWT	Triệu USD	10,02	3,23	6,79	Đầu tư mới năm 2020

Ghi chú: - Tỷ giá kế hoạch năm 2020: 1 USD = 23.500 VNĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
 Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của PVTrans, Ban kiểm soát Tổng công ty đã xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán lớn hàng đầu tại Việt Nam, được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho Đơn vị theo Quyết định số 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, danh sách công bố của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của PVTrans trong năm 2020, cụ thể:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2020 theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc: Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Căn cứ điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí;

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Tổng công ty) xin báo cáo tình hình thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020 như sau:

I. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2019:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2019, cụ thể như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm: Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm là 3.000.000 đồng/người/tháng; Kiểm soát viên kiêm nhiệm là 2.000.000 đồng/người/tháng, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao kiêm nhiệm thực hiện đối với 04 thành viên HĐQT và 02 Kiểm soát viên trong năm 2019 là 192.000.000 đồng.

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty: Mức tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT chuyên trách (04 người, trong đó có 01 thành viên đảm nhận chức vụ 04 tháng, 01 thành viên đảm nhận chức vụ 08 tháng) là 3.496.399.715 đồng và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là 915.630.691 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân).

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

II. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020:

Tổng công ty xây dựng kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2020 trên cơ sở Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH và Quy chế, quy định trả lương trả thưởng của Tổng công ty như sau:

- Thù lao kiêm nhiệm:

+ Thù lao Thành viên HĐQT : 3.000.000 đồng/người/tháng;

+ Thù lao Kiểm soát viên : 2.000.000 đồng/người/tháng.

Tổng số tiền thù lao kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT (05 người, trong đó có 01 thành viên HĐQT đảm nhận chức vụ 09 tháng), Thành viên ban kiểm soát (02 người) dự kiến: 219.000.000 đồng.

- Tiền lương, tiền thưởng của các Thành viên trong HĐQT, BKS chuyên trách: Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH và Quy chế, quy định trả lương, trả thưởng của Tổng công ty.

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm 03 thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ năm 2017-2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Để phù hợp với mô hình quản trị mới, Hội đồng quản trị PVTrans kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm các Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 đối với:

- Bà Nguyễn Kim Anh
- Ông Phạm Văn Hưng
- Ông Kim Kwang Hyuk

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ năm 2020-2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 11/4/2018;

- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 11/4/2018;

- Căn cứ đơn xin từ nhiệm của Ông Đào Mạnh Tiến - Thành viên HĐQT Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

HĐQT Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Đào Mạnh Tiến.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về “*Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019*”

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Căn cứ nhu cầu vốn phục vụ cho Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và đảm bảo việc phát triển bền vững trong những năm tiếp theo, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí kính trình Đại hội đồng Cổ đông phương án “Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019” của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí với tỷ lệ 15% vốn điều lệ. Chi tiết như Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đính kèm.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2020 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí năm 2019.

2. Kết quả SXKD năm 2019 của PVTrans:

Năm 2019 vẫn là một năm khó khăn đối với nền kinh tế nói chung, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh vận tải biển đã ảnh hưởng lớn đến các hoạt động của các công ty vận tải, trong đó có Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans). Tuy nhiên, được sự giúp đỡ của Tập đoàn Dầu khí và các Đơn vị trong ngành, cùng quyết tâm cao của Ban Lãnh đạo Tổng công ty và tập thể cán bộ công nhân viên, PV Trans đã quyết liệt thực hiện nhiều giải pháp để hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao.

Kết quả SXKD trong năm có sự tăng trưởng rõ rệt, các chỉ tiêu tài chính ngày càng ổn định và an toàn, được thể hiện trong bảng sau:

Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2019:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ TH/KH 2019	Tăng trưởng 2019/2018
1	Doanh thu	5.500,00	8.047	146%	102%
2	Lợi nhuận trước thuế	500	1.016,20	203%	104%
3	Lợi nhuận sau thuế	400	820,7	205%	105%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	228,2	561,3	246%	105%

Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2019:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ TH/KH 2019	Tăng trưởng 2019/2018
1	Doanh thu	2.250,00	3.102,30	138%	97%
2	Lợi nhuận trước thuế	310	735,5	237%	127%
3	Lợi nhuận sau thuế	260	628	242%	129%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	115,8	229,1	198%	96%

Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất năm 2017-2019:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,97	1,77	1,52
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,93	1,70	1,47
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,49	0,50	0,48
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,97	0,99	0,93
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	lần	58,45	52,23	47,21
Vòng quay các khoản phải thu	lần	8,09	7,90	7,95
Vòng quay các khoản phải trả	lần	9,01	8,76	8,20
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
LNST /Doanh thu thuần	%	8,68%	10,37%	10,58%
LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,87%	15,92%	14,4%
LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	5,84%	8,04%	7,74%
LN thuần từ HĐKD /Doanh thu thuần	%	10,70%	11,67%	12,76%

Với kết quả sản xuất kinh doanh như trên, PVTrans trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

3. Phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2019:

3.1. Điều kiện pháp lý:

Căn cứ điều 31 Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu quy định điều kiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức như sau:

“Công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;

2. Có đủ nguồn để thực hiện từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán theo quy định.

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, nguồn để thực hiện không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định phân phối thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ theo hướng dẫn về phân phối lợi nhuận của chế độ kế toán doanh nghiệp”.

PVTrans dự kiến Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ năm 2019 sau khi đã được Deloitte kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, về mặt pháp lý, sau khi có ý kiến chấp thuận của ĐHCĐ thông qua phương án, PVTrans có đủ điều kiện để triển khai phương án.

3.2. Chi tiết phương án phát hành

- Loại cổ phiếu phát hành : cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành : cổ đông hiện hữu của PVTrans có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp căn cứ theo tình hình thị trường, hoạt động của PVTrans và đảm bảo các quy định hiện hành.
- Tỷ lệ thực hiện: 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 15 cổ phiếu mới).

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để tăng vốn cổ phần: 42.216.024 cổ phiếu (*Bốn mươi hai triệu hai trăm mười sáu ngàn không trăm hai mươi bốn cổ phần*).
- Giá trị vốn cổ phiếu dự kiến phát hành: 422.160.240.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi hai tỷ một trăm sáu mươi triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng*).
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: số cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân sẽ được hủy bỏ.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2020.
- Vốn điều lệ dự kiến của PVTrans sau khi phát hành: 3.236.561.860.000 đồng (số vốn điều lệ chính xác sẽ được xác định sau khi chốt danh sách cổ đông).
- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2019, chi tiết:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Nguồn tăng vốn cổ phần từ LNST lũy kế	đồng	422.160.240.000
2	Số tiền tăng vốn cổ phần	đồng	422.160.240.000
3	Tỷ lệ tăng vốn cổ phần	%	15%

3.3. Mục đích phát hành

Bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển trong năm 2020 của PVTrans.

4. Kết luận và kiến nghị:

Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối nêu trên là phù hợp với tình hình hoạt động SXKD, kế hoạch, định hướng phát triển của PVTrans đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Để có cơ sở thực hiện, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét phê duyệt:

- Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ là 15% vốn điều lệ.
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau:
 - Thực hiện đăng ký chứng khoán niêm yết bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD); Thủ tục thay đổi niêm yết số cổ phiếu phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) đối với số lượng cổ phần được phát hành.
 - Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ năm 2020 và đăng ký lại giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
 - Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.

Số: ____/TTr-VTDK-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v Thay đổi mô hình quản trị của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
 Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans);

PVTrans là Công ty cổ phần được tổ chức quản lý theo mô hình có Ban Kiểm soát trực thuộc Đại hội cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, căn cứ nhu cầu thực tế, từ năm 2012, HĐQT PVTrans đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT với chức năng nhiệm vụ về cơ bản tương tự như Ban kiểm soát nhưng cụ thể và sát thực hơn trong hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá rủi ro nhằm hỗ trợ HĐQT trong việc đưa ra các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong thời gian qua, Ban kiểm soát PVTrans đã thực hiện khá tốt vai trò giám sát và tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, việc tồn tại song song Ban kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ đến nay đã bộc lộ một số bất cập như sau:

- Do Ban kiểm soát trực thuộc ĐHCĐ, có nhiệm vụ giám sát HĐQT, Ban điều hành nên thực tế khó thực hiện các chức năng hỗ trợ cho HĐQT và Ban điều hành trong việc triển khai hoạt động kinh doanh để thực hiện các mục tiêu, chiến lược kinh doanh.

- Lĩnh vực kinh doanh chính của PVTrans là cung cấp các dịch vụ vận tải biển. Thực tiễn cho thấy đây là lĩnh vực kinh doanh với thị trường diễn biến phức tạp, nhiều biến động đòi hỏi có những quyết sách kinh doanh nhanh và linh hoạt trong công tác triển khai và giám sát mới nắm bắt kịp các cơ hội của thị trường. Tuy nhiên, với cơ chế độc lập như hiện tại, Ban kiểm soát Tổng công ty không thể đáp ứng các yêu cầu này.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và thiết lập trạng thái bình thường mới, chủ trương tinh gọn bộ máy quản lý và tối đa hóa nguồn lực để triển khai kế hoạch, chiến lược kinh doanh và đưa hoạt động giám sát đi vào thực chất và hiệu quả hơn là yêu cầu đặt ra ngày càng cấp thiết đối với PVTrans để có thể tiếp tục tồn tại và phát triển trong những năm tới.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp cho phép Công ty Cổ phần như PVTrans được lựa chọn mô hình quản trị có Ban Kiểm soát hoặc mô hình không có Ban Kiểm soát. Quy định này được đánh giá là một bước tiến phù hợp với thực

tế và xu hướng quản trị chung của thế giới. Tại Việt Nam, mô hình quản trị không có Ban Kiểm soát đã được nhiều doanh nghiệp niềm ýt lớn lựa chọn áp dụng như: Vinamilk, Novaland, Tập đoàn Nam Long, Bảo Việt...

Việc chuyển đổi mô hình quản trị của PVTrans sẽ có thuận lợi do PVTrans đã có sẵn bộ phận Kiểm toán nội bộ, hoạt động khá hiệu quả trong 8 năm qua và hỗ trợ tốt cho HĐQT, Ban điều hành trong việc rà soát, đánh giá các vấn đề liên quan đến tài chính, đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau khi mô hình quản trị mới được Đại hội đồng cổ đông thông qua, PVTrans sẽ chuyển bộ phận Kiểm toán nội bộ hiện thời thành Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Hơn nữa, việc áp dụng mô hình quản trị mới không có Ban Kiểm soát sẽ cắt giảm bớt chi phí, tối đa hóa nguồn lực sẵn có, tinh giảm bộ máy quản lý của PVTrans, nâng cao năng lực cạnh tranh là phù hợp với định hướng phát triển PVTrans.

Vì vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận để PVTrans áp dụng mô hình quản trị quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp, cụ thể cơ cấu tổ chức PVTrans bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Tổng giám đốc

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành triển khai các thủ tục liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm

Số: ____/TTr-VTDK-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 06/06/2016 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng.
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 về việc hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản trị Công ty đại chúng.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

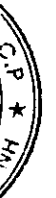
Để phù hợp với mô hình quản trị mới, Hội đồng quản trị dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí. Điều lệ mới được ban hành sẽ thay thế cho Điều lệ của Tổng công ty được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí theo nội dung như dự thảo đính kèm.

Kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm



**MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI
CỦA ĐIỀU LỆ 2020 SO VỚI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH NĂM 2018**

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phản chữ in đậm là phần được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
1	Phần Giải thích thuật ngữ	Chưa có	Bổ sung định nghĩa về “Tiểu Ban Kiểm Toán”: Điều 1. Giải thích thuật ngữ g. “Tiểu Ban Kiểm Toán” có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại Điều b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp.”;	Thuận tiện để tham chiếu ở các điều khoản khác trong Điều lệ.
2	Cơ cấu quản trị của công ty	V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng Quản trị; 3. Ban Kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.	V. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY Điều 9. Mô hình quản trị của Tổng công ty Mô hình quản trị của Tổng công ty bao gồm: 1. Đại Hội Đồng Cổ Đông; 2. Hội đồng Quản trị; 3. Tổng Giám Đốc.	Thay đổi mô hình quản trị không có Ban Kiểm soát theo mô hình mới tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.
3	Quyền đề cử thành viên Ban Kiểm Soát và yêu cầu kiểm tra của cổ đông	Điều 10. Quyền của cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 và Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này; c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu	Điều 10. Quyền của cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này; c. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu	Bổ dẫn chiếu đến Ban Kiểm Soát. Nội dung bổ sung tại Điều 10.3 đề không làm giảm quyền của cổ đông, chức năng kiểm tra được chuyển cho HĐQT thực hiện.

4	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông (“ĐHDCĐ”)	<p>của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>Điều 12. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giám quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty.</p> <p>...</p> <p>c. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành Tổng công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này ;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục</p>	<p>trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Việc kiểm tra trực tiếp sẽ do Tiểu Ban Kiểm Toán thực hiện và báo cáo Hội đồng Quản trị.</p> <p>Điều 12. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giám quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.</p> <p>...</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục</p>	Bỏ dẫn chiếu đến Ban Kiểm Soát.
---	--	---	---	---------------------------------

		<p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
5	Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	<p>Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>....</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p>	<p>Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>....</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị;</p>	<p>Điều 13.1: Bỏ dẫn chiếu đến Ban Kiểm Soát.</p>
			<p>Điều 13.2: Bỏ dẫn chiếu đến Ban Kiểm Soát</p>	

		<p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>....</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;</p>	<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;</p> <p>....</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty;</p> <p>...</p>	
6	<p>Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 3 điều 10 Điều lệ này sẽ bầu chủ tọa để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Bỏ dẫn chiếu đến Ban Kiểm Soát
7	<p>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:</p> <p>...</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty so với cơ cấu tổ chức quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;</p>	<p>Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:</p> <p>...</p> <p>c. Thay đổi mô hình quản trị Tổng công ty so với mô hình quản trị quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi tổ chức bộ máy quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;</p>	<p>Điều 19.1: Điều chỉnh khái niệm để tránh nhầm lẫn, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện</p>

	<p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số cổ phần sở hữu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều 19.2: Bộ dẫn chiếu Ban kiểm soát
8	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ	<p>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>

9	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	<p>Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>....</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Tổng công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;</p> <p>o. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>p. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, tiểu ban kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;</p> <p>q. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>r. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có);</p> <p>5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.</p>	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	Điều 25 Chuyển một số quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị
10	Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	<p>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các</p>	<p>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ để giúp việc trong quá trình hoạt động quản lý điều hành. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự. Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Tiểu</p>	Cấp nhất bổ sung quy định về các Tiểu ban trực thuộc HĐQT

		<p>thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm là trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p>ban sẽ được Hội đồng Quản trị phê duyệt cụ thể tại Quy chế hoạt động của Tiểu ban.</p> <p>2. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất hai (02) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong Tiểu ban. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p>	Cho phù hợp với dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung mới
11	Các nội dung khác		<ul style="list-style-type: none"> - Bãi bỏ các điều khoản liên quan đến Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Điều 34: Ứng cử, đề cử, Kiểm soát viên + Điều 35: Kiểm soát viên + Điều 36: Ban kiểm soát - Cập nhật lại Chương, Điều, Khoản, Mục và một số dẫn chiếu về Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Điều khoản khác 	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
(PV TRANS)**

**ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty.....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần.....	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
V. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY.....	7
Điều 9. Mô hình quản trị.....	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 10. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14. Đại diện theo ủy quyền	11
Điều 15. Thay đổi các quyền	12
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	19
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị	19
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	21
Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	24
Điều 29. Các tiêu ban thuộc Hội đồng Quản trị.....	26
Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	26
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY.....	27
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 32. Người điều hành Tổng công ty	27
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	27
IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY.....	28
Điều 34. Trách nhiệm cần trọng	29
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	29

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	30
X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	31
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	31
XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	31
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	31
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	31
Điều 39. Phân phối lợi nhuận	31
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	32
Điều 40. Tài khoản ngân hàng	32
Điều 41. Năm tài chính	32
Điều 42. Chế độ kế toán	32
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	32
Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	33
Điều 44. Báo cáo thường niên	33
XV. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	33
Điều 45. Kiểm toán	33
XVI. CON DẤU	34
Điều 46. Con dấu	34
XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	34
Điều 47. Chấm dứt hoạt động	34
Điều 48. Thanh lý	34
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	34
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ	34
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	35
XX. NGÀY HIỆU LỰC	35
Điều 51. Ngày hiệu lực	35

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí tổ chức chính thức vào ngày tháng năm 2020.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
 - c. "Luật chứng khoán" là luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
 - e. "Người điều hành Tổng công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - f. "Người quản lý khác" là người được Hội đồng Quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - g. "Tiểu Ban Kiểm Toán" có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp.”;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty
 - j. Cổ đông của Tổng công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
 - k. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
1. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Điều lệ này có tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty
 - Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

- Tên giao dịch quốc tế: PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION
- Tên viết tắt: PV TRANS
- 2. Tổng công ty là Tổng công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:
 - Địa chỉ: Tầng 2, toà nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (84-28) 39111301
 - Fax: (84-28) 39111300
 - Website: www.pvtrans.vn
 - Email: info@pvtrans.com
- 4. Tổng công ty có một người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
- 5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 6. Trừ trường hợp giải thể Tổng công ty theo Khoản 2 Điều 47 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

Kinh doanh vận tải dầu thô, các sản phẩm dầu khí, hóa chất, kinh doanh vận tải hàng rời bằng đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí. Thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác với các đối tác trong và ngoài nước. Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng hải khác. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa. Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, dầu khí. Dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt công trình ngầm dầu khí. Dịch vụ sửa chữa đóng mới các công trình dầu khí. Mua bán vật tư, trang thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí và vận tải. Dịch vụ sửa chữa tàu biển. Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ đóng mới tàu biển và các công trình dầu khí (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản). Dịch vụ quản lý, tư vấn quản lý tàu biển. Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài, cung ứng lao động tạm thời, cho thuê lại lao động. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí. Dịch vụ ăn uống khác. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.
2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty: Giữ vững vị trí là Tổng công ty vận tải biển và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất Việt Nam, đồng thời xây dựng phát

triển trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, thương mại và các dịch vụ trong các ngành nghề kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị cho Tổng công ty và cổ đông. Đảm bảo quyền lợi và điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là **2.814.401.620.000 VND**.

(Bằng chữ: Hai ngàn tám trăm mười bốn tỷ bốn trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành **281.440.162 cổ phần** *(Hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm sáu mươi hai cổ phần)* với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm **281.440.162 cổ phần phổ thông** *(Hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ngàn một trăm sáu mươi hai cổ phần)*, các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Tổng công ty quyết định theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng

cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được ghi tăng số cổ phần tương ứng đã mua trên tài khoản lưu ký chứng khoán hoặc được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, cổ đông được Tổng công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó tuân thủ đúng trình tự pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty (nếu có).

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ hoặc bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 9. Mô hình quản trị của Tổng công ty

Mô hình quản trị của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Tổng Giám Đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện thông qua các hình thức bỏ phiếu biểu quyết khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất từ sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký sở hữu cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Việc kiểm tra trực tiếp sẽ do Tiểu Ban Kiểm Toán thực hiện và báo cáo Hội đồng Quản trị.
 - d. Các quyền khác được quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Tổng công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Tổng công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông để giải thích các nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
 - b. Báo cáo tài chính đã kiểm toán sáu (06) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải

được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp cần thiết, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Tổng công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Tổng công

ty và cổ đông của Tổng công ty;

1. Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản Tổng công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

o. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 13 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của Pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Tổ chức, cá nhân là cổ đông của Tổng công ty có sở hữu ít nhất từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Tổng công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty cung cấp hoặc được công chứng theo quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, cá nhân người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ

định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có đại diện của cổ đông nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại diện như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ đại diện yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp chưa xác định trước ứng viên. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp/thông tin ứng viên (nếu có) theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba thì được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện uỷ quyền dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được uỷ quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được uỷ quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung trước đó đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ, các cổ đông hoặc nhóm

cổ đông được quy định tại Khoản 3 điều 10 Điều lệ này sẽ bầu chủ tọa để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi mô hình quản trị Tổng công ty so với mô hình quản trị quy định tại Điều 9 Điều lệ này và ngoại trừ thay đổi tổ chức bộ máy quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này và theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;
- d. Dự án đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm

bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và/hoặc tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06)

tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu trên. Việc tạm miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc miễn nhiệm thành viên đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị tạm miễn nhiệm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu bổ sung tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành

viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty và không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm của Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Tổng công ty, quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ theo quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó theo quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với Người điều hành Tổng công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - f. Quyết định tổ chức bộ máy quản lý của Tổng công ty, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty;

h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và mức cổ tức tạm ứng, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền của Tổng công ty khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;

o. Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, tiểu ban kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

q. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có);

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty và theo quy định của pháp luật. Việc tạm phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;

b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Tổng công ty.

c. Thành lập công ty con của Tổng công ty; mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty con của Tổng công ty.

d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;

e. Việc vay nợ, thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

f. Các khoản đầu tư, thanh lý tài sản dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty và theo phân cấp tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ và các loại tài sản phi tiền tệ khác;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty trong năm tài chính bao gồm nội dung thẩm định của Tiểu Ban Kiểm Toán theo Điều 29.1. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc hết nhiệm kỳ

thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải họp trong thời hạn mười (10) ngày làm việc để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng công ty.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch

hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của tất cả chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản phải có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ để giúp việc trong quá trình hoạt động quản lý điều hành. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự. Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Tiểu ban sẽ được Hội đồng Quản trị phê duyệt cụ thể tại Quy chế hoạt động của Tiểu ban.

2. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có thể có ít nhất hai (02) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong Tiểu ban. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm miễn cưỡng để Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

e. Kiến nghị số lượng Người điều hành Tổng công ty mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ của Tổng công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành Tổng công ty để Hội đồng Quản trị quyết định;

f. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

g. Trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, kế hoạch tài chính năm của Tổng công ty;

h. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn của Tổng công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn của Tổng công ty theo mục tiêu, chiến lược phát triển. Bản kế hoạch dài hạn cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm Công ty mẹ, Công ty con hoặc Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại mục a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng

văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;

c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại mục a và mục b khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Tổng công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

d. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành Tổng công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành Tổng công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các loại cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác;

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH

NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này. Tổng công ty phải nộp và công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVI. CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 48. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc hay Người điều hành Tổng công ty;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành công đoàn Tổng công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí nhất trí thông qua ngày tháng ... năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

- | | | |
|----|--------------------|-------|
| 01 | Đoàn Văn Nhuộm | |
| 02 | Phạm Việt Anh | |
| 03 | Mai Thế Toàn | |
| 04 | Phạm Anh Tuấn | |
| 05 | Lê Mạnh Tuấn | |
| 06 | Nguyễn Quốc Phương | |

Số: ____/TTr-VTDK-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 06/06/2016 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng.

- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 về việc hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản trị Công ty đại chúng.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

Để phù hợp với mô hình quản trị mới, Hội đồng quản trị dự thảo sửa đổi, bổ sung quy chế Quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí. Quy chế được ban hành sẽ thay thế cho quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Tổng công ty được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị của Tổng công ty như dự thảo nội dung đính kèm.

Kính trình Đại hội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đoàn Văn Nhuộm

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**
(đính kèm Nghị quyết số/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày/6/2020)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) được xây dựng dựa trên Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Quản trị Tổng công ty:** là hệ thống các nguyên tắc đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng công ty;
- **Luật Doanh nghiệp:** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- **Luật chứng khoán:** có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức được quy định tại “Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp” và “Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán”;
- **Người điều hành Tổng công ty:** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
- **Người quản lý khác:** là người được Hội đồng Quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo các quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- **Cổ đông của Tổng công ty:** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
- **Cổ đông lớn:** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- **Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành:** Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về Quản trị Tổng công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố bằng phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn địa chỉ trang thông tin điện tử có toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên và thông tin liên quan đến các ứng viên đó;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp

luật và quy định cụ thể của Tổng công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Tổng công ty công bố.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6: Ban kiểm phiếu

1. Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội đồng cổ đông một (01) Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Số lượng, thành phần Ban Kiểm phiếu được Ban tổ chức đề cử và được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

2. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị.

Điều 7: Nguyên tắc và cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một (01) phiếu biểu quyết. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó, các vấn đề cần được biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

2. Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

3. Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện được ủy quyền có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

4. Trước khi bỏ phiếu, Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông có mặt tại Đại hội.

5. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu,

hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8: Cách thức kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- a. Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
- b. Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- c. Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
- d. Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- e. Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 9: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

2. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết tương ứng với từng nội dung biểu quyết; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT, Danh sách trúng cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

Điều 10: Nội dung biểu quyết được thông qua

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

Điều 11: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông/đại diện ủy quyền và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của các cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông/người được ủy quyền đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 12: Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được lập và công bố cùng thời điểm với Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13: Yêu cầu hủy bỏ quyết định Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 14: Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15: Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ hoặc của người không phải là Người điều hành Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng công ty không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16: Ứng cử, đề cử người thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác được quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 17: Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 05 (năm) công ty khác;
 - d) Thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty;
 - e) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là Người điều hành của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
 - f) Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18: Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định lựa chọn cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo một trong hai phương thức nêu trên. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Đại hội đồng cổ đông hoặc quy chế bầu cử. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại

hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng công ty có thể bầu người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế thành viên bị miễn nhiệm. Việc bầu tạm thời thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc tạm bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc tạm bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tạm bổ nhiệm vẫn được coi là có hiệu lực.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
 - d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20: Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21: Thông báo họp, điều kiện họp, cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành khác;
- b. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu

tập lần thứ hai (02) được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

11. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản

thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22: Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ tên chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp và người ghi biên bản cuộc họp hoặc biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị tới các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 23: Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Các tiểu ban, cơ cấu, tiêu chuẩn, trách nhiệm thành viên và trưởng tiểu ban

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên cũng như Trưởng tiểu ban.

CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 25: Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm theo phân cấp trong quy chế nội bộ của Tổng công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 26: Người điều hành Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Tổng công ty phải có trách nhiệm miễn cán để Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra

trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 27: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điều 65 và điều 157 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định nội bộ của Tổng công ty.

3. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 28: Công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 29: Trách nhiệm ban hành các quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty để xây dựng ban hành các Quy chế, quy định cụ thể về hoạt động của Hội đồng Quản trị và sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty trong các công tác quản lý, kiểm tra giám sát, quản trị điều hành Tổng công ty.

Điều 30: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

1. Các thủ tục, trình tự họp tương tự như quy định tại Điều 21 Quy chế này.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.

Điều 31: Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề cụ thể như sau:

1. Báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty:

a. Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Tổng công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;

b. Báo cáo Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

c. Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:

a. Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b. Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc Tổng công ty theo quy định tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Tổng công ty;

c. Các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Tổng công ty;

d. Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp sổ chứng nhận cổ đông, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

e. Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 33: Cách thức Tổng giám đốc cung cấp thông tin và thông báo cho Hội đồng Quản trị

Tổng giám đốc và Người điều hành Tổng công ty phải báo cáo, cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, hoặc các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Việc gửi báo cáo, cung cấp thông tin và tài liệu nêu trên phải đảm bảo đến đúng địa chỉ đã được thành viên Hội đồng Quản trị đăng ký với Tổng công hoặc theo địa chỉ được yêu cầu.

Điều 34: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám Đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

Hội đồng Quản trị Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản

trị và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 35: Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật

Hội đồng Quản trị Tổng công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành của Tổng công ty.

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Điều 36: Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

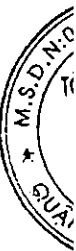
- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
6. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn Người phụ trách quản trị Tổng công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật./.



DỰ THẢO

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 11/4/2018.
- Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-VTDK-HĐQT ngày 08/5/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích.

Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc và phương thức biểu quyết theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Tổng công ty.

Điều 2. Phạm vi áp dụng.

Quy chế này áp dụng trong việc biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 với ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền là ngày 29/5/2020.

Điều 3. Định nghĩa.

- Biểu quyết: Là việc cổ đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể để nhằm xác định các nội dung, vấn đề đó có đủ điều kiện được Đại hội thông qua;
- Đại hội: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020;
- Tổng công ty: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

Điều 4. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện biểu quyết.

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội.

2. Đối tượng có quyền biểu quyết:

- Là các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp với ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền là ngày 29/5/2020) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Tổng công ty công bố.

- Phiếu biểu quyết được phát cho cổ đông tại bàn đăng ký.

PHẦN II: HƯỚNG DẪN BIỂU QUYẾT

Điều 5. Phương thức biểu quyết.

- Cổ đông có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp cổ đông đến muộn, thì hiệu lực của những phiếu biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Nguyên tắc biểu quyết.

- Quyền biểu quyết của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó.

- Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội sẽ được thực hiện theo phương thức biểu quyết công khai, trực tiếp.

- Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức phát hành. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: các vấn đề cần được biểu quyết, tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Phiếu biểu quyết sẽ bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

- Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

- Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu (X) hoặc (V) vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

Điều 7. Quy định về phiếu biểu quyết.

1. Phiếu hợp lệ:

Phiếu hợp lệ là phiếu đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Do Ban tổ chức Đại hội phát ra có đóng dấu treo của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

- Phiếu biểu quyết về những nội dung trong chương trình Đại hội đã được Đại hội thông qua;

- Không bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa.

2. Phiếu không hợp lệ:

Phiếu không hợp lệ là phiếu vi phạm một trong số các điều kiện sau đây:

- Không do ban tổ chức phát hành, không đóng dấu của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;
- Bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm các nội dung không thuộc chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu biểu quyết có ghi thêm ký hiệu đánh dấu khác dấu (X) hoặc (V) vào các ô biểu quyết; Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Phiếu biểu quyết không đánh dấu lựa chọn bất kỳ ô nào trên phiếu;
- Phiếu biểu quyết đánh dấu lựa chọn hơn 1 ô đối với 1 vấn đề biểu quyết;
- Nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.
- Các phiếu không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết của Đại hội.

Điều 11. Nội dung biểu quyết được thông qua.

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

PHẦN III: KIỂM PHIẾU VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Điều 13: Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu.

1. Ban Kiểm phiếu:

Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với ĐHĐCĐ một Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội. Ban Kiểm phiếu này sẽ được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu:

- Trước khi bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

3. Quy định về kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
- Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết;
- Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- Niêm phong toàn bộ các phiếu biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 14: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết cho tương ứng với từng nội dung biểu quyết; chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban hoặc đại diện Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả biểu quyết.

PHẦN IV: KHIẾU NẠI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 15: Khiếu nại

Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có bất đồng về thủ tục biểu quyết hoặc kết quả biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 16: Hiệu lực thi hành

Thê lệ biểu quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2020

PHIẾU BIỂU QUYẾT

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG:

- Họ và tên Cổ đông:
- Họ và tên đại diện ủy quyền cho cổ đông/ người được ủy quyền:
- Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN:
- Số lượng cổ phần nắm giữ/ đại diện:

II. Ý KIẾN BIỂU QUYẾT CỦA CỔ ĐÔNG (Chỉ sử dụng ký hiệu "X" hoặc "V"):

Stt	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Giám đốc			
2	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị			
3	Thông qua Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019. Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát			
4	Thông qua Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.			
5	Thông qua Tờ trình về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020			
6	Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019			
7	Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020			
8	Thông qua Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020			
9	Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị			
10	Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát			
11	Thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của PVTrans năm 2019			

12	Thông qua Tờ trình về thay đổi mô hình quản trị tại PVTrans			
13	Thông qua Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ PVTrans			
14	Thông qua Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của PVTrans			

**XÁC NHẬN CỦA CỔ ĐÔNG
/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí PV Trans

Mã số doanh nghiệp: 0302743192, đăng ký lần đầu ngày 7/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/01/2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Thời gian họp đại hội đồng cổ đông: 8 giờ 30 ngày 18/6/2020,

Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông: ...

CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Chủ tọa đại hội

Theo qui định của Điều lệ Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty - Ông Đoàn Văn Nhuộm - là chủ tọa điều hành đại hội.

2. Cổ đông tham dự

ĐHĐCĐ đã nghe ông – Tổ Kiểm tra tư cách Cổ đông công bố kết quả xác nhận tư cách Cổ đông dự họp như sau:

Ngày/...../2020 Tổng công ty CP đã tiến hành việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo danh sách cổ đông chốt ngày/...../2020.

Tổng số cổ đông có mặt tại đại hội là ... cổ đông (trong đó cổ đông tham dự trực tiếp là cổ đông, tham dự thông qua ủy quyền là cổ đông) đại diện cho cổ phần, bằng% cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày/...../2020 (*Biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông - đính kèm Biên bản này*).

Căn cứ vào Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: “ Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết”. Vì vậy ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí đủ điều kiện tiến hành.

3. Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu

Ban Tổ chức đã giới thiệu và toàn thể đại hội đã thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

Đoàn chủ tịch:

- 1) Ông Đoàn Văn Nhuộm - Chủ tịch HĐQT
- 2) Ông Phạm Việt Anh - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- 3) Ông Phạm Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT

- 4) Ông Mai Thế Toàn - Ủy viên HĐQT
- 5) Ông Lê Mạnh Tuấn - Ủy viên HĐQT

Ban Thư ký:

- 1) Ông/Bà
- 2) Ông/Bà

Tổ kiểm tra tư cách đại biểu và Kiểm phiếu:

- 1) Ông/Bà- Tổ trưởng
- 2) Ông/Bà – Tổ phó
- 3) Ông/Bà- Tổ viên
- 4)

4. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban điều hành tham dự ĐHĐCĐ.

4.1 Thành viên Hội đồng quản trị

- 1) Ông Đoàn Văn Nhuộm - Chủ tịch HĐQT
- 2) Ông Phạm Việt Anh - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- 3) Ông Mai Thế Toàn - Ủy viên HĐQT
- 4) Ông Phạm Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT
- 5) Ông Lê Mạnh Tuấn - Ủy viên HĐQT
- 6) Ông Nguyễn Quốc Phương - Ủy viên HĐQT (UQ cho bà Nguyễn Linh Giang)

4.2 Thành viên Ban Kiểm soát

- 1) Ông Phạm Văn Hưng – Thành viên
- 2) Kim Kwang Hyuk– Thành viên

4.3 Thành viên Ban điều hành

- 1) Ông Phạm Việt Anh - Tổng Giám đốc
- 2) Ông Mai Thế Toàn – Phó Tổng Giám đốc
- 3) Ông Nguyễn Đình Thanh – Phó Tổng Giám đốc
- 4) Bà Nguyễn Linh Giang – Phó Tổng Giám đốc
- 5) Ông Nguyễn Quốc Thịnh – Phó Tổng Giám đốc
- 6) Ông Nguyễn Duyên Hiếu – Phó Tổng Giám đốc
- 7) Ông Nguyễn Viết Long – Phó Tổng Giám đốc
- 8) Ông Đỗ Đức Hùng – Kế toán trưởng

5. Đoàn Chủ tịch đại hội đã công bố đại diện của đơn vị kiểm toán độc lập có tham dự ĐHĐCĐ

- Công ty Kiểm toán:
- Người đại diện: Ông/Bà.....

II. DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CUỘC HỌP

A. Khai mạc đại hội và thông qua Nội quy đại hội:

1. Đoàn Chủ tịch đại hội đã tuyên bố khai mạc đại hội
2. Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua Chương trình nghị sự, Nội quy Đại hội.

B. Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội

- 1) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Giám đốc (*Phụ lục 1*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 2) Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị (*Phụ lục 2*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 3) Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019. Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát (*Phụ lục 3*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 4) Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 (*Phụ lục 4*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 5) Tờ trình về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (*Phụ lục 5*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 6) Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 (*Phụ lục 6*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 7) Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (*Phụ lục 7*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 8) Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020 (*Phụ lục 8*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 9) Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị (*Phụ lục 9*).

Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Đào Mạnh Tiến theo đơn từ nhiệm.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 10) Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát (*Phụ lục 10*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 11) Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của PVTrans năm 2019 (*Phụ lục 11*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

- 12) Tờ trình về thay đổi mô hình quản trị tại PVTrans (*Phụ lục 12*).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

13) Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ PVTrans (Phụ lục 13).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

14) Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của PVTrans (Phụ lục 14).

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý:% số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội.

C. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông

✦ Chủ tọa ĐHĐCĐ tuyên bố mọi cổ đông tham dự đều có cơ hội đặt câu hỏi hoặc kiến nghị các vấn đề.

✦ Nội dung tóm tắt các ý kiến phát biểu của cổ đông và trả lời của Đoàn Chủ tịch Đại hội:

TM. BAN THƯ KÝ

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

DỰ THẢO

NGHI QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 06/06/2016 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 về việc hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản trị Công ty đại chúng;

Căn cứ vào Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 11/4/2018;

Căn cứ vào Biên bản Hội Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí số/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 18/6/2020,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua những nội dung sau:

- 1) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Giám đốc (*Phụ lục 1*).
- 2) Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị (*Phụ lục 2*).
- 3) Thông qua Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019. Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát (*Phụ lục 3*).
- 4) Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 (*Phụ lục 4*).
- 5) Tờ trình về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (*Phụ lục 5*).
- 6) Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 (*Phụ lục 6*).
- 7) Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (*Phụ lục 7*).
- 8) Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế

hoạch thù lao năm 2020 (*Phụ lục 8*).

- 9) Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị (*Phụ lục 9*).
- 10) Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát (*Phụ lục 10*).
- 11) Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của PVTrans năm 2019 (*Phụ lục 11*).
- 12) Tờ trình về thay đổi mô hình quản trị tại PVTrans (*Phụ lục 12*).
- 13) Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ PVTrans (*Phụ lục 13*).
- 14) Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của PVTrans (*Phụ lục 14*).

Điều 2. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty cổ phần Vận tải dầu khí năm 2020 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nơi nhận:

- Cổ đông PVTrans
- Các TV HĐQT
- Ban KS, Ban TGD
- Lưu VT, HĐQT V(5b)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Vào hồi giờ phút ngày 18/6/2020 tại Phòng họp Hội nghị,,Đường, P....., Quận ..., Tp. Hồ Chí Minh.

Tổ Kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

1. Bà Vũ Thị Phương Nga – Tổ trưởng.
2. Ông Nguyễn Bá Nghị – Tổ phó
3. Ông Đào Hà Thanh - Tổ viên
4. Ông Phạm Văn Hưng – Tổ viên
5. Bà Nguyễn Đình Tú Nhi – Tổ viên
6. Ông Trần Văn Phi – Tổ viên

Tổ Kiểm tra tư cách đại biểu và kiểm phiếu đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông đến tham dự Đại hội với kết quả cụ thể như sau:

Số cổ đông tham dự đại hội	: cổ đông
Trong đó: + Tham dự trực tiếp	: cổ đông
+ Tham dự thông qua ủy quyền	: cổ đông

Đại diện cho quyền sở hữu**cổ phần**, bằng% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty theo danh sách chốt cổ đông ngày 29/5/2020.

Căn cứ Khoản 1 - Điều 141 - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014: Để tổ chức ĐHĐCĐ phải có đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp tham dự. Như vậy, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi ... giờ phút ngày 18/6/2020 và được báo cáo công khai trước Đại hội.

Trân trọng kính chào./.

TM. TỔ KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VỀ CÁC NỘI DUNG
ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Hôm nay, vào lúc ... giờ ... phút, ngày 18/6/2020 tại Phòng họp Hội nghị.....
....., Tp. Hồ Chí Minh.

Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Bà Vũ Thị Phương Nga – Tổ trưởng.
2. Ông Nguyễn Bá Nghị – Tổ phó
3. Ông Đào Hà Thanh - Tổ viên
4. Ông Phạm Văn Hưng – Tổ viên
5. Bà Nguyễn Đình Tú Nhi – Tổ viên
6. Ông Trần Văn Phi – Tổ viên.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu biểu quyết, Tổ kiểm phiếu xin thông báo kết quả các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí như sau:

Tổng số phiếu phát ra phiếu;

Tổng số phiếu thu vềphiếu;

Trong đó:

+ Tổng số phiếu thu về hợp lệphiếu.

+ Tổng số phiếu thu về không hợp lệphiếu.

Kết quả các nội dung biểu quyết cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng Giám đốc:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm ...% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và Thẻ lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thẻ lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

3. Thông qua Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019. Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

4. Thông qua Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

5. Thông qua Tờ trình về phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

6. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

7. Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

8. Thông qua Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

9. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

10. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

11. Thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của PVTrans năm 2019:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

12. Thông qua Tờ trình về thay đổi mô hình quản trị tại PVTrans:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

13. Thông qua Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ PVTrans:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

14. Thông qua Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của PVTrans:

- Biểu quyết đồng ý là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là ... cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.
- Không ý kiến là cổ phần, chiếm% số cổ phần tham dự Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

Trên đây là Biên bản kiểm phiếu biểu quyết về các nội dung được biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên TCT CP Vận tải Dầu khí năm 2020, được các thành viên Tổ kiểm phiếu thống nhất ký tên xác nhận và được báo cáo công khai trước Đại hội.

BAN KIỂM PHIẾU

Vũ Thị Phương Nga

.....

Nguyễn Bá Nghị

.....

Đào Hà Thanh

.....

Phạm Văn Hưng

.....

Nguyễn Đình Tú Nhi

.....

Trần Văn Phi

.....



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2020

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Tên cổ đông:

- Giấy ĐKKD/CMND/Hộ chiếu/ số: cấp ngày:/...../..... Tại

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

- Số cổ phần sở hữu: cổ phần

Đồng ý ủy quyền cho:

a. Ông/Bà:

.... Giấy ĐKKD/CMND/Hộ chiếu số: cấp ngày:/...../..... Tại

.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần

Hoặc

b. Ủy quyền cho một hoặc một số thành viên HĐQT PVTrans như sau:

(Quý cổ đông vui lòng đánh dấu (x) vào thành viên Hội đồng quản trị mà Quý cổ đông ủy quyền):

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Người được ủy Quyền	Số CP ủy quyền
1	Ông Đoàn Văn Nhuộm	Chủ tịch HĐQT	<input type="checkbox"/>	
2	Ông Phạm Việt Anh	Thành viên	<input type="checkbox"/>	

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được quyền thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 dự kiến tổ chức ngày 18/6/2020.
- Bên nhận ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Bên ủy quyền và pháp luật về những vấn đề đã biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
- Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.
- Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực cho đến khi kết thúc Đại hội.

Bên nhận ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Bên ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- o Quý cổ đông tải mẫu Giấy ủy quyền tại Website công ty: www.pvtrans.com
- o Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, trường hợp Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ 2020, Quý cổ đông vui lòng gửi Giấy ủy quyền (theo mẫu) về cho công ty trước 15h00, ngày 17/06/2020 với một trong các hình thức: (1) gửi trực tiếp tại TCT; (2) gửi qua bưu điện, (3) gửi fax theo số 028 - 39111300; (4) gửi email: plan@pvtrans.com.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2019)
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên
Ông Đào Mạnh Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

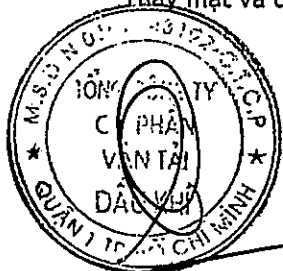
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ
Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 4 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 25 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Hoàng Khánh Phương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2756-2020-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

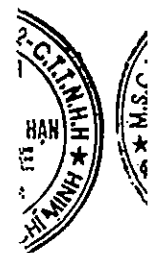
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.840.714.530.411	4.249.170.191.157
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.207.921.258.308	1.278.293.115.224
1. Tiền	111		227.948.169.563	280.487.895.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		979.973.088.745	997.805.219.590
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.478.841.000.000	1.572.305.707.500
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.478.841.000.000	1.572.305.707.500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		864.749.984.631	1.087.971.847.442
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	752.250.226.554	887.512.834.952
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.686.062.657	113.525.413.749
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	137.173.488.957	118.281.484.455
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(36.031.611.719)	(31.347.885.714)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	127.002.278.394	151.234.089.972
1. Hàng tồn kho	141		127.652.033.296	151.674.511.469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(649.754.902)	(440.421.497)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		162.200.009.078	159.365.431.019
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30.790.566.367	25.664.731.917
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		129.747.041.278	105.396.696.587
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.662.401.433	28.304.002.515



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.156.584.146.893	5.953.061.421.855
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.048.956.179	8.993.725.952
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	14.048.956.179	8.993.725.952
II. Tài sản cố định	220		6.781.172.147.529	5.627.317.753.548
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.777.561.963.137	5.622.630.573.352
- Nguyên giá	222		10.705.307.119.454	8.831.105.049.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.927.745.156.317)	(3.208.474.475.671)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	3.610.184.392	4.687.180.196
- Nguyên giá	228		9.975.864.897	9.527.304.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.365.680.505)	(4.840.124.701)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.325.000	753.197.720
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	753.197.720
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		198.573.423.481	190.922.628.087
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	152.635.656.181	143.184.860.787
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	45.937.767.300	45.937.767.300
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	-	1.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		162.587.294.704	125.074.116.548
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	91.537.813.172	83.397.439.388
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	71.049.481.532	41.676.677.160
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.997.298.677.304	10.202.231.613.012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.306.332.886.400	5.062.673.705.322
I. Nợ ngắn hạn	310		2.522.687.622.562	2.404.775.728.039
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	602.987.631.251	775.279.144.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	49.046.049.549	17.700.629.761
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	72.246.331.104	93.004.853.342
4. Phải trả người lao động	314		170.034.691.297	153.869.819.731
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	120.379.951.729	151.819.821.495
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		507.500.000	7.709.255.117
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	231.467.185.742	263.965.627.716
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	1.014.552.696.858	663.352.997.672
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	154.586.318.161	179.994.713.283
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		106.879.266.871	98.078.865.512
II. Nợ dài hạn	330		2.783.645.263.838	2.657.897.977.283
1. Phải trả người bán dài hạn	331	16	230.891.136.000	259.752.528.000
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	4.828.549.311	4.833.748.007
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	32.622.104.000	32.943.583.653
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	2.418.917.114.094	2.324.741.161.668
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	96.386.360.433	35.626.955.955
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.690.965.790.904	5.139.557.907.690
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	5.690.965.790.904	5.139.557.907.690
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.814.401.620.000	2.814.401.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.814.401.620.000	2.814.401.620.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		528.672.745.977	314.558.047.216
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		47.218.399.245	47.218.399.245
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		990.904.722.715	846.506.898.174
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		301.294.298.639	194.414.050.537
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		689.610.424.076	652.092.847.637
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.309.768.302.967	1.116.872.943.055
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.997.298.677.304	10.202.231.613.012

Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng

Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

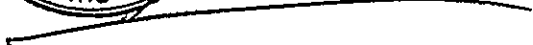
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
	Mã số			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.758.369.916.321	7.523.105.382.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(736.364)	(9.440.700)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	7.758.369.179.957	7.523.095.942.173
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	6.567.417.658.975	6.439.693.231.624
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.190.951.520.982	1.083.402.710.549
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	221.013.930.768	207.761.699.963
7. Chi phí tài chính	22	31	192.947.512.930	158.471.729.580
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		169.379.637.300	121.588.919.933
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	12	34.035.075.394	26.387.724.294
9. Chi phí bán hàng	25	32	13.713.931.338	10.084.458.444
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	249.350.429.313	271.174.115.166
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+24+(21-22)-(25+26))	30		989.988.653.563	877.821.831.616
12. Thu nhập khác	31		33.538.717.601	104.866.271.120
13. Chi phí khác	32		7.367.960.658	7.568.091.394
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	26.170.756.943	97.298.179.726
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.016.159.410.506	975.120.011.342
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	224.848.613.752	206.482.055.036
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(29.372.804.372)	(11.432.774.224)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		820.683.601.126	780.070.730.530
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			689.610.424.076	652.092.847.637
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			131.073.177.050	127.977.882.893
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.320	2.194


Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu


Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng


Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.016.159.410.506	975.120.011.342
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	749.722.185.856	599.526.688.590
Các khoản dự phòng	03	104.862.946.483	87.688.096.794
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.342.295.377	17.693.983.357
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(194.972.298.930)	(271.422.166.210)
Chi phí lãi vay	06	169.379.637.300	121.588.919.933
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.851.494.176.592	1.530.195.533.806
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	213.692.033.618	(268.881.533.600)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	24.022.478.173	(55.526.811.082)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(423.120.135.741)	377.365.198.245
Tăng chi phí trả trước	12	(13.266.208.234)	(23.048.724.468)
Tiền lãi vay đã trả	14	(145.173.403.473)	(98.635.970.702)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(226.227.758.014)	(231.841.745.462)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.205.007.808	1.349.682.982
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(104.114.082.374)	(300.079.235.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.178.512.108.355	930.896.393.831
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.822.570.587.402)	(1.398.670.850.765)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	27.275.848.586	127.575.389.714
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.267.417.592.500)	(2.705.095.530.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.362.682.300.000	2.092.018.317.500
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	51.896.122.347
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	177.421.372.668	168.955.121.962
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.522.608.658.648)	(1.663.321.429.242)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

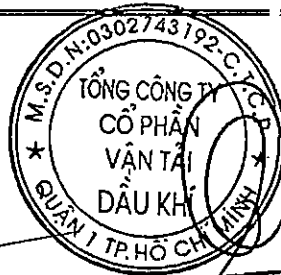
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	126.664.545.455	49.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.200.387.059.602	869.834.025.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(712.411.697.495)	(558.973.630.728)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(340.177.574.860)	(310.374.937.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	274.462.332.702	49.485.456.610
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(69.634.217.591)	(682.939.578.801)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.278.293.115.224	1.959.453.323.823
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(737.639.325)	1.779.370.202
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.207.921.258.308	1.278.293.115.224



Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007. Công ty mẹ chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là PVT.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 818 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 727 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Các Công ty con

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty Vũng Tàu")	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty Hà Nội")	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	50,5%	50,5%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty Phương Nam")	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	69,63%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty Thái Bình Dương")	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty Sản phẩm khí")	Tầng 9, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	67,74%	67,74%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty Đông Dương")	Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	48,67%	48,67%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas; chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty Phương Đông Việt")	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	51,86%	52,33%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty Quảng Ngãi")	Lô CN08, Đường số 6, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty Nhật Việt")	151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ: đại lý tàu biển.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại Công ty Đông Dương là 48,67% trên tổng số vốn thực góp của các cổ đông. Tuy nhiên, đa số các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (bao gồm cả Giám đốc) đều là đại diện của Công ty mẹ, Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này. Do đó, Công ty mẹ đã trình bày khoản đầu tư góp vốn vào công ty này như một khoản đầu tư vào công ty con.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	5 - 25
Thiết bị văn phòng	2 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định định kỳ

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Theo quy định kế toán hiện hành thì Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải khi thực tế phát sinh hay lập dự phòng trích trước vào chi phí hàng năm căn cứ vào dự toán. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải như sau:

- Đối với nhóm tàu vận tải dầu sản phẩm và hàng rời: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo;
- Đối với nhóm tàu vận tải dầu thô và sản phẩm khí: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của niên độ kế toán đó.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tiền mặt	3.368.615.038	3.241.167.661
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	224.579.554.525	277.246.727.973
Các khoản tương đương tiền	979.973.088.745	997.805.219.590
	<u>1.207.921.258.308</u>	<u>1.278.293.115.224</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tổng Công ty đã sử dụng một số khoản tương đương tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 271.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 23), và số tiền 7.300.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho Thư bảo lãnh tín dụng đảm bảo thực hiện các hợp đồng kinh tế.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN

	Giá gốc VND	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND
a) Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn (*)		1.478.841.000.000	1.478.841.000.000	1.572.305.707.500	1.572.305.707.500
		1.478.841.000.000	1.478.841.000.000	1.572.305.707.500	1.572.305.707.500
b) Dài hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
	-	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 3 đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 5%/năm đến 8,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5,1%/năm đến 7,4%/năm).

Tổng Công ty đã sử dụng một số hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 291.500.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 23), và số tiền 40.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho Thư bảo lãnh tín dụng đảm bảo thực hiện các hợp đồng kinh tế.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	30.096.232.039	68.481.099.726
Công ty TNHH Dầu khí Thanh Hóa	-	88.998.019.521
Các đối tượng khác	228.637.868.871	250.387.703.619
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	493.516.125.644	479.646.012.086
	752.250.226.554	887.512.834.952

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	305.135.200	519.552.000
Tạm ứng cho nhân viên	14.838.846.781	10.006.846.944
Trích trước lãi tiền gửi Ngân hàng	26.026.365.402	35.236.058.650
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	174.000.000	174.000.000
Phải thu khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	22.224.963.470	12.266.914.831
Các khoản phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	13.412.516.490	13.602.969.606
- Các đối tượng khác	60.191.661.614	46.475.142.424
	137.173.488.957	118.281.484.455
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	13.803.810.129	8.993.725.952
Các khoản phải thu khác	245.146.050	-
	14.048.956.179	8.993.725.952

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đối tượng nợ				
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	14.341.523.812	-	14.152.032.624	-
Tòa án - Fujairah, UAE	7.672.500.000	-	7.641.150.000	2.292.345.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Anh Vũ	3.107.173.553	-	3.107.173.553	932.152.066
Vitol Asia Pte Ltd	2.027.392.800	-	2.030.461.950	-
Đối tượng khác	9.220.323.470	337.301.916	7.641.564.653	-
	36.368.913.635	337.301.916	34.572.382.780	3.224.497.066

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường	1.662.981.409	-	113.209.407	-
Nguyên liệu, vật liệu	125.911.425.080	(649.754.902)	144.784.401.304	(440.421.497)
Công cụ, dụng cụ	7.600.000	-	7.600.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.141.667	-	822.953.077	-
Thành phẩm	33.413.600	-	11.344.633	-
Hàng hoá	30.471.540	-	5.935.003.048	-
	127.652.033.296	(649.754.902)	151.674.511.469	(440.421.497)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	7.363.371.330	13.653.405.359	8.795.221.007.492	14.867.264.842	8.831.105.049.023
Mua trong năm	-	91.800.000	1.923.185.383.537	959.342.500	1.924.236.526.037
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.791.322.274)	(45.955.196.332)	-	(49.746.518.606)
Giảm khác	-	-	(287.937.000)	-	(287.937.000)
Số dư cuối năm	7.363.371.330	9.953.883.085	10.672.163.257.697	15.826.607.342	10.705.307.119.454

GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ

Số dư đầu năm	(520.831.480)	(9.776.944.813)	(3.186.318.191.683)	(11.858.507.695)	(3.208.474.475.671)
Khấu hao trong năm	(353.018.856)	(261.841.568)	(745.977.374.459)	(1.604.395.169)	(748.196.630.052)
Thanh lý, nhượng bán	-	3.791.322.274	24.846.690.132	-	28.638.012.406
Điều chỉnh khác	-	-	287.937.000	-	287.937.000
Số dư cuối năm	(873.850.336)	(6.247.464.107)	(3.907.160.939.010)	(13.462.902.864)	(3.927.745.156.317)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày cuối năm	6.489.520.994	3.706.418.978	6.765.002.318.687	2.363.704.478	6.777.561.963.137
Tại ngày đầu năm	6.842.539.850	3.876.460.546	5.608.902.815.809	3.008.757.147	5.622.630.573.352

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty đã thể chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 8.735.531.243.079 đồng và 5.802.783.832.041 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: là 7.197.206.123.125 đồng và 4.949.852.155.356 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 247.955.622.998 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 248.095.976.385 đồng).

Trong năm, Công ty Phương Đông Việt đã thay đổi thời gian sử dụng ước tính của tàu PV Oil Venus và PV Oil Jupiter từ 20 năm xuống còn 15 năm. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích tại Công ty là phù hợp với tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác những con tàu này. Việc thay đổi này làm chi phí khấu hao tăng và lợi nhuận trước thuế trong năm giảm với số tiền là 10.635.943.221 đồng so với việc giữ nguyên thời gian khấu hao như năm trước.



11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Giấy chứng nhận VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2.213.037.064	7.137.927.283	176.340.550	9.527.304.897
Mua trong năm	-	448.560.000	-	448.560.000
Số dư cuối năm	<u>2.213.037.064</u>	<u>7.586.487.283</u>	<u>176.340.550</u>	<u>9.975.864.897</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỄN KẾ				
Số dư đầu năm	(244.248.728)	(4.451.827.084)	(144.048.889)	(4.840.124.701)
Khấu hao trong năm	(11.279.664)	(1.501.776.136)	(12.500.004)	(1.525.555.804)
Số dư cuối năm	<u>(255.528.392)</u>	<u>(5.953.603.220)</u>	<u>(156.548.893)</u>	<u>(6.365.680.505)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày cuối năm	<u>1.957.508.672</u>	<u>1.632.884.063</u>	<u>19.791.657</u>	<u>3.610.184.392</u>
Tại ngày đầu năm	<u>1.968.788.336</u>	<u>2.686.100.199</u>	<u>32.291.661</u>	<u>4.687.180.196</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào công ty liên kết	98.000.000.000	98.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	54.635.656.181	45.184.860.787
	<u>152.635.656.181</u>	<u>143.184.860.787</u>

Giá gốc khoản đầu tư và thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	98.000.000.000	98.000.000.000
	<u>98.000.000.000</u>	<u>98.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	581.549.073.354	598.175.456.826
Tổng công nợ	(270.047.734.210)	(305.961.455.220)
Tài sản thuần	311.501.339.144	292.214.001.606
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết	152.635.656.181	143.184.860.787
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	69.459.337.538	43.021.388.802
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	34.035.075.394	26.387.724.294

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
PV KEEZ Pte., Ltd.	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chìm Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 Đô la Mỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản đầu tư vào đơn vị khác không có dấu hiệu giảm giá, nên dự phòng không cần thiết phải trích lập.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn tàu chở dầu thành phẩm và hàng rời	66.304.578.797	62.100.451.912
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	17.952.649.403	15.939.846.829
Chi phí dài hạn khác	7.280.584.972	5.357.140.647
	91.537.813.172	83.397.439.388

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dầu khí FGas	41.365.056.723	29.552.775.352
Công ty TNHH Vận tải Dầu khí OPEC	37.323.351.298	17.368.586.718
Công ty Cổ phần cung ứng nhiên liệu tàu biển Vina	32.830.459.100	-
Wallem Ship Management Ltd	12.128.669.230	12.194.243.783
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	10.009.543.285	10.009.543.285
Công ty TNHH MTV Gas Venus	-	90.600.848.421
Zhoushan Xinya Shipyard Co., Ltd.	-	28.115.989.750
Cockett Marine Oil (Asia) Pte Ltd.	-	15.910.909.149
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	171.495.372.872	300.663.891.397
Phải trả cho các đối tượng khác	297.835.178.743	270.862.356.555
	602.987.631.251	775.279.144.410
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	230.891.136.000	259.752.528.000
	230.891.136.000	259.752.528.000

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

Phải trả người bán dài hạn thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị hợp đồng là 618.458.400.000 đồng. Theo Nghị quyết số 6658/NQ-DKVN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, khoản công nợ này sẽ được hoàn trả trong vòng 15 năm tính từ khi tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT này đi vào khai thác (tháng 11 năm 2013). Khoản nợ phải trả chịu lãi suất 5% một năm.

Khoản nợ này được hoàn trả theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	86.584.176.000	57.722.784.000
Trong năm thứ hai	28.861.392.000	28.861.392.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	86.584.176.000	86.584.176.000
Sau năm năm	115.445.568.000	144.306.960.000
	317.475.312.000	317.475.312.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phải trả người bán ngắn hạn)	(86.584.176.000)	(57.722.784.000)
Số phải trả sau 12 tháng	230.891.136.000	259.752.528.000

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Daellm Corporation, Korea	12.645.773.250	-
Fox-chem Pte. Ltd.	11.244.452.194	-
Arcadia Fuels Pty. Ltd.	9.570.289.979	-
Sea Star Enterprises Limited	-	4.539.622.500
Arcadia Fuels Pty.Ltd	-	8.049.401.750
Khác	15.585.534.126	5.111.605.511
	49.046.049.549	17.700.629.761

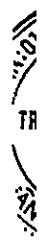


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	30.506.921	1.266.489.975	1.278.001.123	18.995.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.109.824.699	712.186.503	18.213.248.384	1.608.762.818
Thuế thu nhập cá nhân	2.870.895	104.743.413	72.971.466	34.642.842
Thuế khác	9.160.800.000	-	9.160.800.000	-
	28.304.002.515	2.083.419.891	28.725.020.973	1.662.401.433
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	14.020.915.260	255.814.896.098	258.749.032.402	11.086.778.956
Thuế xuất, nhập khẩu	-	29.808.078.529	29.735.926.809	72.151.720
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.462.276.573	224.848.613.752	243.728.819.895	54.582.070.430
Thuế thu nhập cá nhân	5.249.511.831	36.260.508.450	35.193.708.142	6.316.312.139
Thuế nhà thầu	1.428.108	3.030.234.813	3.030.234.813	1.428.108
Thuế môn bài	-	35.000.000	35.000.000	-
Các loại thuế khác	270.721.570	11.539.902.544	11.623.034.363	187.589.751
	93.004.853.342	561.337.234.186	582.095.756.424	72.246.331.104



19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	74.311.578.799	49.265.807.734
Chi phí thuê tàu	29.756.486.747	71.528.533.759
Phí hoa hồng, đại lý	4.016.350.303	592.308.494
Phí quản lý	2.146.852.004	1.504.972.447
Nhiên liệu, vật tư phụ tùng	-	10.652.854.759
Chi phí khác	10.148.683.876	18.275.344.302
	120.379.951.729	151.819.821.495
b) Dài hạn		
Phí hoa hồng đại lý	4.828.549.311	4.833.748.007
	4.828.549.311	4.833.748.007

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.197.107
Kinh phí công đoàn	2.978.071.075	2.395.174.608
Bảo hiểm xã hội	4.338.879.838	2.296.896.811
Bảo hiểm y tế	769.097.701	393.025.357
Bảo hiểm thất nghiệp	293.070.073	382.297.090
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.813.119.384	10.017.885.116
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.332.125.690	2.424.410.550
Công ty TNHH Tân Long	-	40.775.470.000
Phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	169.071.127.279	169.428.715.292
Các khoản phải trả khác	33.871.694.702	35.850.555.785
	231.467.185.742	263.965.627.716
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.622.104.000	32.943.583.653
	32.622.104.000	32.943.583.653

21. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn	6.005.784.702	7.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23)	1.008.546.912.156	656.352.997.672
	1.014.552.696.858	663.352.997.672

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Công ty Phương Đông Việt (Công ty con của Tổng Công ty) với số tiền 6.005.784.702 đồng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cho mục đích tài trợ vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và có thời hạn vay không vượt quá 04 tháng theo Khế ước nhận nợ và lãi suất các khoản vay từ 6,5% đến 9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6,2%/năm).

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Chi phí sửa chữa lớn tàu dầu thô và sản phẩm khí VND	Dự phòng khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	199.206.331.805	16.415.337.432	215.621.669.237
Trích lập trong năm	115.163.143.352	18.939.487.927	134.102.631.279
Hoàn nhập trong năm	(25.123.533.117)	(9.009.211.089)	(34.132.744.206)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(63.448.542.716)	(1.170.335.000)	(64.618.877.716)
Số dư cuối năm	225.797.399.324	25.175.279.270	250.972.678.594

Chi tiết các khoản dự phòng phải trả:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	154.586.318.161	179.994.713.283
Dự phòng phải trả dài hạn	96.386.360.433	35.626.955.955
	250.972.678.594	215.621.669.238

23. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm	Trong năm			Số cuối năm
	Giá trị VND	Nhận nợ VND	Hoàn trả VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị VND
Vay dài hạn	2.981.094.159.340	1.194.381.274.900	(705.411.697.495)	(42.599.710.495)	3.427.464.026.250

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	629.540.640.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	614.718.317.700	355.710.075.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	564.335.944.165	518.720.520.867
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	582.518.384.241	731.454.854.344
Ngân hàng Citibank Việt Nam	429.667.211.453	657.288.829.069
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	373.375.717.172	441.288.225.508
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	101.820.000.000	157.400.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	66.670.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	31.563.323.521	42.232.635.050
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	26.714.499.998	56.950.252.092
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	6.539.988.000	14.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	-	6.048.767.410
	3.427.464.026.250	2.981.094.159.340

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Các hợp đồng này có tổng hạn mức tín dụng là 2.023 tỷ đồng, 126.834.500 Đô la Mỹ, và 9.936.854.077 Yên Nhật (tương đương 92.447.391 Đô la Mỹ). Các khoản vay được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh số 4, 5), phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty (Thuyết minh số 10), cùng doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương (Công ty con của Tổng Công ty), và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Lãi suất vay là lãi suất từ 3%/năm đến 5,5%/năm cho khoản vay bằng tiền Đô la Mỹ, lãi suất 1,2%/năm cho khoản vay bằng đồng Yên Nhật và lãi suất từ 2,47%/năm đến 10,8%/năm cho khoản vay bằng tiền Đồng Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.008.546.912.156	656.352.997.672
Trong năm thứ hai	516.285.530.223	859.462.410.516
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.404.830.321.101	992.256.801.227
Sau năm năm	497.801.262.770	473.021.949.925
	3.427.464.026.250	2.981.094.159.340
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(1.008.546.912.156)	(656.352.997.672)
Số phải trả sau 12 tháng	2.418.917.114.094	2.324.741.161.668

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cổ phần	Số cuối năm VND	Số cổ phần	Số đầu năm VND
Được phép phát hành	281.440.162	2.814.401.620.000	281.440.162	2.814.401.620.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	281.440.162	2.814.401.620.000	281.440.162	2.814.401.620.000
Cổ phần		Số cuối năm		Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông		281.440.162		281.440.162
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông		281.440.162		281.440.162

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Chi tiết cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.435.360.800.000	51,00	1.435.360.800.000	51,00
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	142.688.310.000	5,07	142.688.310.000	5,07

25. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đô la Mỹ ("USD")	2.599.270	1.512.441
- Euro ("EUR")	46.570	1.074.167
- Đô la Singapore ("SGD")	<u>629</u>	<u>651</u>

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số tiền</u> <u>VND</u>	<u>Năm xóa nợ</u>
Phải thu tiền bồi thường	<u>80.000.000.000</u>	<u>2018</u>

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty Thái Bình Dương đã đánh giá không có khả năng thu hồi số tiền này, nên đã quyết định xóa sổ khoản phải thu này.

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu, xe taxi và xe bồn;
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí: kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi và quản lý kho nổi cho mỏ dầu;
 Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác;
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Số cuối năm	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải đầu khí VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận					
Lãi từ công ty liên kết	9.211.019.765.526	1.227.572.064.669	183.108.524.867	175.820.000	10.621.876.175.052
Tài sản không phân bổ					54.635.656.181
Tổng tài sản hợp nhất					<u>320.786.846.061</u>
					<u>10.997.298.677.304</u>
Nợ phải trả bộ phận	3.532.338.293.701	295.928.411.791	44.124.923.302	1.021.083.437	3.873.412.712.231
Nợ phải trả không phân bổ					1.432.920.174.169
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>5.306.332.886.400</u>
Số đầu năm	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải đầu khí VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận					
Lãi từ công ty liên kết	8.144.425.767.615	1.596.759.792.088	162.016.353.662	175.820.000	9.903.377.733.365
Tài sản không phân bổ					45.184.860.787
Tổng tài sản hợp nhất					<u>253.669.018.860</u>
					<u>10.202.231.613.012</u>
Nợ phải trả bộ phận	3.170.886.061.321	450.149.572.387	197.522.753.222	29.078.679.393	3.847.637.066.323
Nợ phải trả không phân bổ					1.215.036.638.999
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>5.062.673.705.322</u>

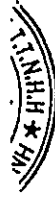
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm nay

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải đầu khí VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.751.792.081.742	1.092.214.687.180	1.898.843.830.716	15.518.580.319	7.758.369.179.957
Tổng doanh thu	4.751.792.081.742	1.092.214.687.180	1.898.843.830.716	15.518.580.319	7.758.369.179.957
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	3.909.141.176.804	793.140.734.363	1.857.787.043.125	7.348.704.683	6.567.417.658.975
Tổng giá vốn	3.909.141.176.804	793.140.734.363	1.857.787.043.125	7.348.704.683	6.567.417.658.975
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	842.650.904.938	299.073.952.817	41.056.787.591	8.169.875.636	1.190.951.520.982
Chi phí không phân bổ					(263.064.360.651)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					927.887.160.331
Doanh thu hoạt động tài chính					221.013.930.768
Phần lãi trong công ty liên kết					34.035.075.394
Lợi nhuận khác					26.170.756.943
Chi phí tài chính					(192.947.512.930)
Lợi nhuận trước thuế					1.016.159.410.506
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(224.848.613.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					29.372.804.372
Lợi nhuận trong năm					820.683.601.126
Thông tin khác					
Khấu hao					749.722.185.856



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm trước

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải dầu khí VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.284.473.387.710	956.059.400.713	2.255.416.692.956	27.146.460.794	7.523.095.942.173
Tổng doanh thu	4.284.473.387.710	956.059.400.713	2.255.416.692.956	27.146.460.794	7.523.095.942.173
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	3.537.187.554.073	629.586.727.476	2.251.273.452.775	21.645.497.300	6.439.693.231.624
Tổng giá vốn	3.537.187.554.073	629.586.727.476	2.251.273.452.775	21.645.497.300	6.439.693.231.624
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	747.285.833.637	326.472.673.237	4.143.240.181	5.500.963.494	1.083.402.710.549
Chi phí không phân bổ					(281.258.573.610)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					802.144.136.939
Doanh thu hoạt động tài chính					207.761.699.963
Phần lãi trong công ty liên kết					26.387.724.294
Lợi nhuận khác					97.298.179.726
Chi phí tài chính					(158.471.729.560)
Lợi nhuận trước thuế					975.120.011.342
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(206.482.055.036)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					11.432.774.224
Lợi nhuận trong năm					780.070.730.530
Thông tin khác					
Khấu hao					599.526.688.590

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và dịch vụ kho nổi chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Dịch vụ vận tải	4.751.792.081.742	4.284.473.387.710
Dịch vụ hàng hải dầu khí	1.092.214.687.180	956.059.400.713
Thương mại	1.898.843.830.716	2.255.416.692.956
Dịch vụ khác	15.519.316.683	27.155.901.494
	7.758.369.916.321	7.523.105.382.873
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(736.364)	(9.440.700)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.758.369.179.957	7.523.095.942.173

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	3.909.141.176.804	3.537.187.554.073
Dịch vụ hàng hải dầu khí	793.140.734.363	629.586.727.476
Thương mại	1.857.787.043.125	2.251.273.452.775
Dịch vụ khác	7.348.704.683	21.645.497.300
	6.567.417.658.975	6.439.693.231.624

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.371.134.499.400	846.335.694.706
Chi phí nhân công	653.046.962.199	566.205.866.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	749.722.185.856	599.526.688.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.305.361.732	2.177.657.104.553
Chi phí khác bằng tiền	890.485.967.314	279.952.998.023
	4.972.694.976.501	4.469.678.352.459

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy thác đầu tư	149.345.543.310	154.430.289.908
Lãi chênh lệch tỷ giá	66.244.049.618	48.899.554.665
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.424.337.840	4.431.855.390
	221.013.930.768	207.761.699.963

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	169.379.637.300	121.588.919.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.293.701.777	21.095.009.848
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	1.061.317.723
Chi phí tài chính khác	1.274.173.853	14.726.482.076
	192.947.512.930	158.471.729.580

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương	110.452.276.213	138.594.181.634
Chi phí khác	138.898.153.100	132.579.933.532
	249.350.429.313	271.174.115.166
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.331.944.733	3.750.406.545
Chi phí khác	6.381.986.605	6.334.051.899
	13.713.931.338	10.084.458.444

33. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.167.342.386	87.233.614.341
Thu từ bồi thường	12.064.429.908	-
Thu nhập khác	15.306.945.307	17.632.656.779
Thu nhập khác	33.538.717.601	104.866.271.120
Chi phí phạt	4.002.350.523	1.427.371.552
Chi phí khác	3.365.610.135	6.140.719.842
Chi phí khác	7.367.960.658	7.568.091.394
Lợi nhuận khác	26.170.756.943	97.298.179.726

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.016.159.410.506	975.120.011.342
Trừ: Chênh lệch tạm thời không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.429.499.219)	(39.515.345.637)
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(34.035.075.394)	(26.387.724.294)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	15.488.123.291	8.880.866.562
Điều chỉnh khác:		
Trừ: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(48.194.175.826)	(82.709.751.105)
Cộng: Chênh lệch tạm thời không được khấu trừ	139.649.821.279	93.694.348.762
Thu nhập chịu thuế	1.086.638.604.637	929.082.405.630
Lỗ năm trước mang sang	(31.888.652)	-
Thu nhập tính thuế	1.086.606.715.985	929.082.405.630
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	217.321.343.197	185.816.481.126
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	7.527.270.555	20.665.573.910
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	224.848.613.752	206.482.055.036

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế (năm 2018: 20%).

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm (VND)	820.683.601.126	780.070.730.530
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát (VND)	131.073.177.050	127.977.882.893
- Cổ đông của Công ty mẹ (VND)	689.610.424.076	652.092.847.637
Trừ: trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(36.707.973.685)	(34.710.912.503)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	652.902.450.391	617.381.935.134
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	281.440.162	281.440.162
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.320	2.194

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 5,3% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với tỷ lệ trích trung bình trong năm 2018 của Công ty mẹ và các công ty con. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Tổng Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại do ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty là bên đi thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	108.406.209.873	69.422.799.810

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	54.417.079.934	69.098.359.453
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.617.314.942	22.258.154.753
	63.034.394.876	91.356.514.206

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê xe, thuê tàu, thuê văn phòng và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê xe và thuê tàu được ký với thời hạn từ 01 năm tới 06 năm. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ 01 năm đến 06 năm. Các khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn là 05 năm.

Tổng Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	917.771.142.880	856.268.137.216

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	477.103.538.250	752.830.170.415
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	179.657.110.000
	477.103.538.250	932.487.280.415

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải thu từ việc cho thuê tàu và kho nổi với thời hạn thuê không quá 05 năm.

37. CAM KẾT VỐN

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Công ty mẹ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con, các cổ đông đã phê duyệt kế hoạch đầu tư tài sản cố định trong năm 2019 với số tiền là 5.381,1 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ và các công ty con đã hoàn thành đầu tư tàu chở dầu thô, tàu hàng rời, tàu chở sản phẩm dầu và ô tô tải với tổng số tiền là 1.923,1 tỷ đồng.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	3.433.469.810.952	2.988.094.159.340
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.207.921.258.308	1.278.293.115.224
Nợ thuần	2.225.548.552.644	1.709.801.044.116
Vốn chủ sở hữu	5.690.965.790.904	5.139.557.907.690
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,39	0,33

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.207.921.258.308	1.278.293.115.224
Đầu tư tài chính	1.524.778.767.300	1.620.043.474.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	852.428.213.190	973.259.312.701
Tổng cộng	3.585.128.238.798	3.871.595.902.725
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.433.469.810.952	2.988.094.159.340
Phải trả người bán và phải trả khác	1.089.588.938.306	1.326.472.292.806
Chi phí phải trả	125.208.501.040	156.653.569.502
Tổng cộng	4.648.267.250.298	4.471.220.021.648

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu sự rủi ro về thay đổi hoạt động của các Nhà máy lọc dầu (Dịch vụ vận tải) và hoạt động của các mỏ (Dịch vụ hàng hải dầu khí), để kiểm soát rủi ro này Tổng Công ty đã luôn đảm bảo đội tàu vận tải dầu thô đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của các Nhà máy lọc dầu, đối với các phương tiện kho nổi đều có thể chuyển đổi công năng để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các mỏ. Đây là lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm vừa qua.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	139.124.629.403	91.866.390.400	2.110.106.685.870	1.633.488.721.913
Euro (EUR)	1.182.676.673	27.823.965	583.515.193	675.598.602
Yên Nhật (JPY)	-	-	4.570.451.746	5.540.005.184
Đô la Singapore (SGD)	10.663.415	-	1.453.589.805	1.424.132.225

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 59.129.461.694 đồng (năm 2018: 46.248.669.945 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, Đô la Singapore và Yên Nhật thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các khách hàng và đối tác của Tổng Công ty đều là các bên có uy tín trên thị trường. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu quá hạn thanh toán, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng cho những khoản này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.207.921.258.308	-	-	1.207.921.258.308
Đầu tư tài chính	1.478.841.000.000	-	45.937.767.300	1.524.778.767.300
Phải thu khách hàng và phải thu khác	838.379.257.011	14.048.956.179	-	852.428.213.190
	3.525.141.515.319	14.048.956.179	45.937.767.300	3.585.128.238.798
Các khoản vay	1.014.552.696.858	1.921.115.851.324	497.801.262.770	3.433.469.810.952
Phải trả người bán và phải trả khác	826.075.698.306	148.067.672.000	115.445.568.000	1.089.588.938.306
Chi phí phải trả	120.379.951.729	4.828.549.311	-	125.208.501.040
	1.961.008.346.893	2.074.012.072.635	613.246.830.770	4.648.267.250.298
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.564.133.168.426	(2.059.963.116.456)	(567.309.063.470)	(1.063.139.011.500)
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.278.293.115.224	-	-	1.278.293.115.224
Đầu tư tài chính	1.572.305.707.500	-	47.737.767.300	1.620.043.474.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	964.265.586.749	8.993.725.952	-	973.259.312.701
	3.814.864.409.473	8.993.725.952	47.737.767.300	3.871.595.902.725
Các khoản vay	663.352.997.672	1.851.719.211.743	473.021.949.925	2.988.094.159.340
Phải trả người bán và phải trả khác	1.033.776.181.153	118.389.151.653	174.306.960.000	1.326.472.292.806
Chi phí phải trả	151.819.821.495	4.833.748.007	-	156.653.569.502
	1.848.949.000.320	1.974.942.111.403	647.328.909.925	4.471.220.021.648
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.965.915.409.153	(1.965.948.385.451)	(599.591.142.625)	(599.624.118.923)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức vừa phải và tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd	Công ty liên doanh
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn	Công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	Công ty liên doanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	Công ty liên doanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Chi nhánh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Gas Đô Thị	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Xí Nghiệp Phân Phối Khí Thấp áp Vũng tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (Công ty con của PVN)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Bên liên quan (Tiếp theo)

Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành
 Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu
 Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long
 Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD
 Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
 Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng

Mối quan hệ (Tiếp theo)

Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (Công ty con của PVN)
 Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (Công ty con của PVN)
 Công ty thuộc Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của PVN)
 Công ty liên kết của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (Công ty con của PVN)
 Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí (Công ty con của PVN)
 Công ty thuộc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
 Công ty thuộc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Công ty con của PVN)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.675.878.609.883	1.850.855.558.348
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	478.242.551.277	503.464.827.500
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	376.495.850.160	329.080.915.973
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	189.552.454.408	581.981.568.502
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Gas Đô Thị	75.729.328.768	39.603.519.926
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	25.431.822.157	15.388.767.708
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	11.380.730.375	9.176.294.771
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	15.819.397.654	11.382.953.323
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	7.163.690.176	2.706.946.960
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	6.254.980.069	1.613.537.400
Chi nhánh phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	4.453.827.500	29.243.822.468
Xí Nghiệp Phân Phối Khí Thấp áp Vũng tàu	4.051.025.000	3.867.654.000
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.563.655.000	7.888.835.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.980.131.248	4.290.323.594
Công ty TNHH Khí hoá lỏng Việt Nam	-	16.905.010.609

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Mua hàng và dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	167.047.133.907	52.250.773.860
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	108.269.743.147	145.919.703.219
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	110.613.816.230	125.929.235.682
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	86.285.142.158	94.347.849.698
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	81.085.615.904	66.057.849.599
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	70.343.587.760	53.633.910.477
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	68.284.018.403	165.066.862.675
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovpetro	45.053.032.556	53.418.075.249
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	30.707.511.801	30.667.363.657
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.080.579.448	7.077.111.278
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	26.870.800.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	24.799.318.997	23.928.978.031
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	20.797.366.212	24.436.884.344
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	19.054.227.275	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	9.299.340.838	8.540.763.997
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	7.085.108.034	6.789.580.460
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành	5.564.531.351	3.073.589.988
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	4.200.966.296	3.996.312.485
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	2.052.941.672	8.363.671.881
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai thác Dầu khí trong nước	1.164.000.000	4.760.300.786
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	7.703.980.836
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	4.240.200.879

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	55.948.085.877	65.687.389.668
Cổ tức đã công bố và chi trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	143.536.080.000	143.537.100.011
Cổ tức được chia		
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd	5.624.337.840	4.431.855.390

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	7.508.250.435	6.723.795.661

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	248.784.659.615	254.321.832.626
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	87.604.168.598	87.885.272.698
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	90.374.637.747	55.671.451.447
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	44.300.143.801	33.868.786.006
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.782.907.029	3.638.653.282
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	5.275.704.147	2.527.642.509
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	3.812.299.717	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	15.660.116.483
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	-	1.768.195.392
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	1.500.659.323
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	-	1.193.437.709
Các bên liên quan khác	3.581.604.990	21.609.964.611
	493.516.125.644	479.646.012.086
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	53.590.088	53.371.117
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.644.465.154	7.644.465.154
PV KEEZ Pte., Ltd.	1.128.995.840	-
Các bên liên quan khác	13.397.912.388	4.569.078.560
	22.224.963.470	12.266.914.831
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	86.584.176.000	58.766.896.684
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	25.120.344.249	4.625.111.059
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.833.036.612	122.373.522.335
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	10.530.772.430	17.589.865.320
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovpetro	9.966.088.000	10.667.550.330
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	4.744.722.672	2.640.360.216
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.726.902.910	16.542.440.150
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	15.251.135.610	12.474.036.984
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	1.507.666.657	12.623.361.888
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	34.195.447.230
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	430.148.010
Các bên liên quan khác	5.230.527.732	7.735.151.191
	171.495.372.872	300.663.891.397
Phải trả người bán dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	230.891.136.000	259.752.528.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	165.359.427.279	165.049.954.347
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	606.043.937
Công ty điều hành dầu khí Biển Đông	2.083.500.000	1.045.350.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	1.628.200.000	2.702.825.000
Các bên liên quan khác	-	24.542.008
	169.071.127.279	169.428.715.292
Vay dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	373.375.717.172	441.288.225.508
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	582.518.384.241	731.454.854.344
	955.894.101.413	1.172.743.079.852
Lãi vay phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	62.330.971.874	38.297.563.403
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	6.648.207.860	8.183.848.734
	68.979.179.734	46.481.412.137


40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ


Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 74.311.578.799 đồng (năm 2018: 49.265.807.734 đồng), là khoản lãi vay phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 27.155.361.242 đồng (năm 2018: 35.236.058.650 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 102.118.126.250 đồng (năm 2018: không đồng), là số tiền đã thanh toán trước trong năm 2018. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Võ Thị Thanh Tùng
 Người lập biểu


Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng


Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2020



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2019)
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên
Ông Đào Mạnh Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 3 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Võ Thanh Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 25 tháng 3 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Hoàng Khánh Phương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2756-2020-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		2.719.062.659.582	2.556.512.754.890
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4		727.416.030.388	384.800.687.221
1. Tiền	111			67.916.030.388	76.346.129.721
2. Các khoản tương đương tiền	112			659.500.000.000	308.454.557.500
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			810.300.000.000	1.150.845.707.500
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5		810.300.000.000	1.150.845.707.500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			1.126.902.605.959	942.396.213.270
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6		584.379.906.641	607.089.587.977
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			2.085.727.269	1.691.847.311
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7		561.170.907.895	353.232.043.902
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8		(20.733.935.846)	(19.617.265.920)
IV. Hàng tồn kho	140	9		36.320.271.261	56.203.934.380
1. Hàng tồn kho	141			36.320.271.261	56.203.934.380
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			18.123.751.974	22.266.212.519
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			3.520.299.064	3.418.640.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			14.603.452.910	18.847.572.271
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		4.323.679.765.514	4.437.392.003.550
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			311.837.682.136	807.199.730.576
1. Phải thu dài hạn khác	216	7		311.837.682.136	807.199.730.576
II. Tài sản cố định	220			2.015.733.909.910	1.778.419.834.269
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10		2.014.773.704.127	1.776.174.844.477
- Nguyên giá	222			2.507.905.115.017	2.126.576.404.906
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			(493.131.410.890)	(350.401.560.429)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11		960.205.783	2.244.989.792
- Nguyên giá	228			5.483.760.523	5.483.760.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(4.523.554.740)	(3.238.770.731)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12		1.966.994.026.289	1.829.618.229.556
1. Đầu tư vào công ty con	251			1.939.318.570.000	1.830.674.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			97.000.000.000	97.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			45.937.767.300	45.937.767.300
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			(115.262.311.011)	(143.994.107.744)
IV. Tài sản dài hạn khác	260			29.114.147.179	22.154.209.149
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			750.604.171	111.272.847
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13		28.363.543.008	22.042.936.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270			7.042.742.425.096	6.993.904.758.440

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

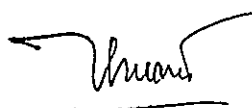
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.106.305.663.306	3.375.038.301.453
I. Nợ ngắn hạn	310		1.622.196.396.587	1.501.488.217.597
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	366.103.308.641	464.555.767.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		223.927.125	5.258.563.387
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	27.803.909.319	39.509.500.612
4. Phải trả người lao động	314		116.609.986.639	110.985.122.516
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	79.077.780.862	44.940.587.644
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	728.295.500
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	190.619.316.904	191.531.817.740
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	646.321.802.328	409.383.776.817
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	100.271.102.240	145.087.941.127
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		95.165.262.529	89.506.845.216
II. Nợ dài hạn	330		1.484.109.266.719	1.873.550.083.856
1. Phải trả người bán dài hạn	331	14	230.891.136.000	259.752.528.000
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	16	4.828.549.311	4.833.748.007
3. Phải trả dài hạn khác	337	17	30.000.000.000	30.000.000.000
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.158.104.045.693	1.570.206.700.706
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	60.285.535.715	8.757.107.143
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.936.436.761.790	3.618.866.456.987
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	3.936.436.761.790	3.618.866.456.987
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.814.401.620.000	2.814.401.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.814.401.620.000	2.814.401.620.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		408.254.402.524	263.285.057.738
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.843.396.730	44.843.396.730
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		668.937.342.536	496.336.382.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		40.931.006.776	13.105.233.231
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		628.006.335.760	483.231.149.288
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.042.742.425.096	6.993.904.758.440



Đinh Mai Phương
 Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

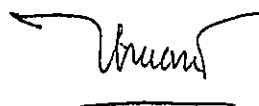
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.849.118.315.696	2.960.874.212.087
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	2.849.118.315.696	2.960.874.212.087
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	24	2.254.258.831.685	2.485.325.639.373
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		594.859.484.011	475.548.572.714
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	250.929.979.526	159.295.653.381
6. Chi phí tài chính	22	27	44.205.439.109	43.801.243.096
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.499.734.766	56.952.082.352
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	67.523.598.223	101.742.346.847
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		734.060.426.205	489.300.636.152
9. Thu nhập khác	31		2.423.863.538	89.707.151.149
10. Chi phí khác	32		981.238.676	276.690.000
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	29	1.442.624.862	89.430.461.149
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		735.503.051.067	578.731.097.301
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	113.817.322.013	91.874.522.557
14. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(6.320.606.706)	3.625.425.456
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		628.006.335.760	483.231.149.288



Đinh Mai Phương
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	735.503.051.067	578.731.097.301
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	144.014.634.470	138.645.896.927
Các khoản dự phòng	03	21.235.199.429	68.721.829.968
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(258.403.260)	(2.063.162.464)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(247.997.951.052)	(242.113.336.167)
Chi phí lãi vay	06	70.499.734.766	56.952.082.352
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	722.996.265.420	598.874.407.917
Giảm các khoản phải thu	09	310.286.174.935	68.478.585.494
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	19.883.663.119	(9.460.679.627)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(144.626.472.025)	99.309.008.273
Tăng chi phí trả trước	12	(740.990.140)	(587.912.259)
Tiền lãi vay đã trả	14	(46.678.468.581)	(32.314.128.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(125.685.472.569)	(132.633.212.675)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(65.474.188.195)	(41.533.108.791)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	669.960.511.964	550.132.959.624
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(381.961.410.446)	(711.950.044.160)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	125.699.480.623
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.234.436.592.500)	(1.824.900.530.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.574.982.300.000	1.227.873.317.500
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(68.000.000.000)	(51.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	51.896.122.347
7. Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	200.738.923.670	164.033.745.640
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	91.323.220.724	(1.018.347.908.050)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	243.684.000.000	493.688.175.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(381.727.117.511)	(315.671.858.217)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(280.773.564.360)	(280.755.932.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(418.816.681.871)	(102.739.616.167)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	342.467.050.817	(570.954.564.593)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	384.800.687.221	955.762.454.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	148.292.350	(7.202.327)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	727.416.030.388	384.800.687.221



Đinh Mai Phương
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

2-02
ANH
TY
HỮU
TTE
AM
5CX

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007. Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là PVT.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 818 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 727 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệpCông ty con:

- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam
- Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt

Công ty liên doanh, liên kết:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC

Chi nhánh:

- Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.



Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư tài chính theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

Thiết bị văn phòng
Phương tiện vận tải

Số năm
3
6 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ hoạt động.

Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của niên độ kế toán đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	835.310.374	1.275.751.464
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.080.720.014	75.070.378.257
Các khoản tương đương tiền	659.500.000.000	308.454.557.500
	727.416.030.388	384.800.687.221

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 0,5%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 4,6%/năm đến 6,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã sử dụng một số khoản tương đương tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 210.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 18), và số tiền 7.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho Thư bảo lãnh tín dụng đảm bảo thực hiện các hợp đồng kinh tế.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu đến mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 5%/năm đến 7,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 6,2%/năm đến 7,4%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã sử dụng một khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngân hàng thương mại với số tiền là 50.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 18).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng không phải là bên liên quan		
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	30.096.232.039	68.481.099.726
Các khoản phải thu khách hàng khác	70.102.829.813	63.878.596.650
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	484.180.844.789	474.729.891.601
	584.379.906.641	607.089.587.977

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	79.406.000	74.406.000
Tạm ứng cho nhân viên	100.217.010	289.600.043
Trích trước lãi tiền gửi	17.066.471.237	19.380.439.695
Phải thu khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	527.883.016.285	315.857.115.948
Các khoản phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	13.657.520.099	13.602.969.606
- Các đối tượng khác	2.384.277.264	4.027.512.610
	561.170.907.895	353.232.043.902
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	6.374.473.300	3.971.998.850
Phải thu khác là các bên liên quan (*) (Thuyết minh số 34)	305.463.208.836	803.227.731.726
	311.837.682.136	807.199.730.576

(*) Phải thu dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Công ty con) liên quan đến các khoản vay mà Tổng Công ty vay từ các ngân hàng thương mại, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và chuyển lại cho công ty con này. Lãi vay được Tổng Công ty thanh toán và thu lại công ty này.

Khoản phải thu này được thu hồi theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	497.579.719.789	295.349.322.852
Trong năm thứ hai	67.912.508.336	497.764.522.891
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	203.737.525.008	203.737.525.008
Sau năm năm	33.813.175.492	101.725.683.827
	803.042.928.625	1.098.577.054.578
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải thu ngắn hạn khác)	(497.579.719.789)	(295.349.322.852)
Số phải trả sau 12 tháng	305.463.208.836	803.227.731.726

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ				
Công ty Cổ phần Vận tải Quốc Việt	14.341.523.812	-	14.152.032.624	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Anh Vũ	3.107.173.553	-	3.107.173.553	932.152.066
Vitol Asla Pte., Ltd	2.027.392.800	-	2.030.461.950	-
Đối tượng khác	1.257.845.681	-	1.259.749.859	-
	20.733.935.846	-	20.549.417.986	932.152.066

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	561.980.160	-	113.209.407	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.744.549.434	-	53.862.950.020	-
Công cụ, dụng cụ	7.600.000	-	7.600.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.141.667	-	188.490.345	-
Hàng hoá	-	-	2.031.684.608	-
	36.320.271.261	-	56.203.934.380	-

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	11.947.683.299	2.114.628.721.607	2.126.576.404.906
Tăng trong năm	437.475.000	380.891.235.111	381.328.710.111
Số dư cuối năm	12.385.158.299	2.495.519.956.718	2.507.905.115.017
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	9.287.460.765	341.114.099.664	350.401.560.429
Khấu hao trong năm	1.336.552.133	141.393.298.328	142.729.850.461
Số dư cuối năm	10.624.012.898	482.507.397.992	493.131.410.890
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.660.222.534	1.773.514.621.943	1.776.174.844.477
Tại ngày cuối năm	1.761.145.401	2.013.012.558.726	2.014.773.704.127

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.114.589.646.605 đồng và 1.637.213.782.831 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.113.275.384.105 đồng và 1.773.514.621.943 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Thiết bị văn phòng và phương tiện vận tải bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 8.739.417.548 đồng và 1.353.337.502 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7.450.947.151 đồng và 1.353.337.502 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>5,483.760.523</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	3.238.770.731
Khấu hao trong năm	<u>1.284.784.009</u>
Số dư cuối năm	<u>4.523.554.740</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u><u>2.244.989.792</u></u>
Tại ngày cuối năm	<u><u>960.205.783</u></u>

Phần mềm máy tính bao gồm một số phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 3.675.351.522 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.117.550.300 đồng).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty con

- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam
- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội
- Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi

Đầu tư vào các công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC

Đầu tư vào các đơn vị khác

- PV KEEZ Pte. Ltd.

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND		VND	
612.000.000.000	-	612.000.000.000	-
405.632.000.000	(115.262.311.011)	405.632.000.000	(143.994.107.744)
243.853.000.000	-	203.209.000.000	-
156.000.000.000	-	156.000.000.000	-
154.869.870.000	-	137.869.870.000	-
107.800.000.000	-	107.800.000.000	-
207.886.200.000	-	156.886.200.000	-
43.677.500.000	-	43.677.500.000	-
7.600.000.000	-	7.600.000.000	-
1.939.318.570.000	(115.262.311.011)	1.830.674.570.000	(143.994.107.744)

97.000.000.000	-	97.000.000.000	-
97.000.000.000	-	97.000.000.000	-

45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
45.937.767.300	-	45.937.767.300	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	50,50%	50,50%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	69,63%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế	Tầng 9, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	67,74%	67,74%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Thành phố Hà Nội	48,67%	48,67%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa káo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	51,86%	52,33%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Lô CN08, Đường số 6, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ: đại lý tàu biển.

Tổng Công ty đã dùng khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Citibank.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương là 48,67% trên tổng số vốn thực góp của các cổ đông. Tuy nhiên, đa số các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (bao gồm cả Giám đốc) đều là đại diện của Tổng Công ty, Tổng Công ty có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư góp vốn vào công ty này như một khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã góp 97 tỷ đồng, tương ứng với 48,5% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chim Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 đô la Mỹ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÁN LẠI

	Dự phòng VND	Chi phí trích trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	569.003.342	5.691.909.745	19.407.448.671	25.668.361.758
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước	9.082.996.658	6.010.971.415	(18.719.393.529)	(3.625.425.455)
Số dư cuối năm trước	9.652.000.000	11.702.881.160	688.055.142	22.042.936.302
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm nay	1.502.756.028	4.891.230.322	(73.379.644)	6.320.606.706
Số dư cuối năm nay	11.154.756.028	16.594.111.482	614.675.498	28.363.543.008

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Wallem Ship Management Ltd	12.128.669.230	12.194.243.783
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	10.009.543.285	10.009.543.285
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	290.254.981.403	380.130.413.985
Các đối tượng khác	53.710.114.723	62.221.565.985
	366.103.308.641	464.555.767.038
b. Dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Thuyết minh số 34)	230.891.136.000	259.752.528.000
	230.891.136.000	259.752.528.000

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

Phải trả người bán dài hạn thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam với tổng giá trị là 618.458.400.000 đồng. Theo Nghị quyết số 6658/NQ-DKVN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, khoản công nợ này sẽ được hoàn trả trong vòng 15 năm tính từ khi tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT này đi vào khai thác (tháng 11 năm 2013). Khoản nợ này chịu lãi suất 5% trên dư nợ giảm dần.

Khoản nợ này được hoàn trả theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	86.584.176.000	57.722.784.000
Trong năm thứ hai	28.861.392.000	28.861.392.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	86.584.176.000	86.584.176.000
Sau năm năm	115.445.568.000	144.306.960.000
	317.475.312.000	317.475.312.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phải trả người bán ngắn hạn)	(86.584.176.000)	(57.722.784.000)
Số phải trả sau 12 tháng	230.891.136.000	259.752.528.000

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	6.969.149.762	71.693.880.446	72.350.134.427	6.312.895.781
Thuế xuất nhập khẩu	-	168.680.856	168.680.856	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.362.670.461	113.817.322.013	125.685.472.569	16.494.519.905
Thuế thu nhập cá nhân	4.036.912.063	30.071.018.145	29.299.026.326	4.808.903.882
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế khác	140.768.326	1.686.489.349	1.639.667.924	187.589.751
	39.509.500.612	217.442.390.809	229.147.982.102	27.803.909.319

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	66.592.729.571	42.395.544.244
Chi phí thuê tàu	6.835.471.684	-
Phí quản lý	2.146.852.004	1.504.972.447
Phí hoa hồng, đại lý	187.746.028	187.746.028
Chi phí khác	3.314.981.575	852.324.925
	79.077.780.862	44.940.587.644
b. Dài hạn		
Phí hoa hồng đại lý	4.828.549.311	4.833.748.007
	4.828.549.311	4.833.748.007

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.774.134.296	4.969.183.392
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.770.439.290	2.101.841.650
Kinh phí công đoàn	2.302.953.231	1.775.312.134
Bảo hiểm xã hội	52.586.582	389.963.509
Bảo hiểm y tế	93.934.331	134.991.666
Bảo hiểm thất nghiệp	63.944.165	275.050.179
Các khoản phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	166.034.006.765	168.134.007.196
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.527.318.244	13.751.468.014
	190.619.316.904	191.531.817.740
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
	30.000.000.000	30.000.000.000

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>
	<u>VND</u>			<u>VND</u>	<u>VND</u>
	Giá trị	Đã nhận	Hoàn trả	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
Vay	1.979.590.477.523	243.684.000.000	(381.727.117.511)	(37.121.511.991)	1.804.425.848.021

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

Chi tiết số dư các khoản vay và khoản nhận bảo lãnh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Citibank	429.667.211.453	657.288.829.069
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	373.375.717.172	441.288.225.508
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	463.132.847.521	531.168.074.821
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	125.514.571.875	142.249.848.125
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	177.633.000.000	207.595.500.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	235.102.500.000	-
	1.804.425.848.021	1.979.590.477.523

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam liên quan tới việc đóng và mua tàu vận tải. Các hợp đồng vay và bảo lãnh này có tổng hạn mức tín dụng là 1.197 tỷ đồng, 9.936.854.077 Yên Nhật (tương đương 109.477.009 Đô la Mỹ), và 31.915.000 Đô la Mỹ. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay từ 1,15% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1,16% đến 5,32%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đang có số dư nợ vay là 734.152.017.948 đồng và 46.068.880 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 844.939.994.634 đồng và 48.781.189,04 Đô la Mỹ).

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 4), đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 5), phương tiện vận tải của Tổng Công ty (Thuyết minh số 10) và khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Thuyết minh số 12).

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng dùng tài sản là tàu chở dầu thô PVT Athena (IMO số 9208136) và kho nổi (FSO 105.000 DWT) của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là: 2.856.292.805.545 đồng và 1.381.254.661.597 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.856.292.805.545 đồng và 1.652.124.299.125 đồng).

Các khoản vay dài hạn và bảo lãnh được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	646.321.802.328	409.383.776.817
Trong năm thứ hai	216.654.597.606	611.798.983.600
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	649.963.792.818	545.840.907.138
Sau năm năm	291.485.655.269	412.566.809.968
	1.804.425.848.021	1.979.590.477.523
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(646.321.802.328)	(409.383.776.817)
Số phải trả sau 12 tháng	1.158.104.045.693	1.570.206.700.706

19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Dự phòng khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	153.685.463.113	159.585.157	153.845.048.270
Trích lập dự phòng	69.495.928.572	964.044.100	70.459.972.672
Hoàn nhập dự phòng	(21.453.339.279)	(156.307.157)	(21.609.646.436)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(42.138.736.551)	-	(42.138.736.551)
Số dư cuối năm	159.589.315.855	967.322.100	160.556.637.955
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
Chi tiết:			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	100.271.102.240	145.087.941.127	
Dự phòng phải trả dài hạn	60.285.535.715	8.757.107.143	
	160.556.637.955	153.845.048.270	

Trong năm 2020, Tổng Công ty có kế hoạch sửa chữa tàu Mercury.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	281.440.162	2.814.401.620.000	281.440.162	2.814.401.620.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	281.440.162	2.814.401.620.000	281.440.162	2.814.401.620.000

Cổ phần

Số cuối năm

Số đầu năm

Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng
 + Cổ phần phổ thông

281.440.162

281.440.162

Số lượng cổ phần đang lưu hành
 + Cổ phần phổ thông

281.440.162

281.440.162

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	2.814.401.620.000	184.689.625.253	44.843.396.730	396.721.457.462	3.440.656.099.445
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	483.231.149.288	483.231.149.288
Phân phối quỹ	-	78.595.432.485	-	(78.595.432.485)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(19.648.858.122)	(19.648.858.122)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(3.929.771.624)	(3.929.771.624)
Công bố chia cổ tức	-	-	-	(281.442.162.000)	(281.442.162.000)
Số dư đầu năm nay	2.814.401.620.000	263.285.057.738	44.843.396.730	496.336.382.519	3.618.866.456.967
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	628.006.335.760	628.006.335.760
Phân phối quỹ (*)	-	144.969.344.786	-	(144.969.344.786)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(24.161.557.464)	(24.161.557.464)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(4.832.311.493)	(4.832.311.493)
Công bố chia cổ tức (**)	-	-	-	(281.442.162.000)	(281.442.162.000)
Số dư cuối năm nay	2.814.401.620.000	408.254.402.524	44.843.396.730	668.937.342.536	3.936.436.761.790

(*) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập bổ sung quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành của Tổng Công ty với số tiền lần lượt là 144.969.344.786 đồng, 24.161.557.464 đồng và 4.832.311.493 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 và các năm trước để lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2019 ngày 05 tháng 3 năm 2019.

(**) Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết số 45/NQ-VTDK-HĐQT ngày 24 tháng 7 năm 2019 đã thông qua việc chia cổ tức 10% bằng tiền mặt với số tiền 281.442.162.000 đồng. Việc thanh toán cổ tức đã được thực hiện trong năm 2019.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.435.360.800.000	51	1.435.360.800.000	51
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	142.688.310.000	5,07	142.688.310.000	5,07

21. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đô la Mỹ ("USD")	428.753	237.398
- Euro ("EUR")	343	354

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí và Bộ phận dịch vụ thương mại. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí: kinh doanh cung cấp kho nổi, quản lý kho nổi cho mỏ dầu, dịch vụ quản lý tàu biển, cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh hàng hóa, trang thiết bị cho các công ty dầu khí.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải dầu khí VND	Thương mại VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tài sản bộ phận	3.858.725.645.070	346.793.964.426	25.437.297.458	4.230.956.906.954
Tài sản không phân bổ				2.811.785.518.142
Tổng tài sản				7.042.742.425.096
Nợ phải trả bộ phận	1.885.377.994.296	240.509.833.287	-	2.125.887.827.583
Nợ phải trả không phân bổ				980.417.835.723
Tổng nợ phải trả				3.106.305.663.306
Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải dầu khí VND	Thương mại VND	Tổng VND
Số đầu năm				
Tài sản bộ phận	3.651.292.326.370	352.210.983.848	32.461.085.859	4.035.964.395.077
Tài sản không phân bổ				2.957.940.362.363
Tổng tài sản				6.993.904.758.440
Nợ phải trả bộ phận	2.028.888.297.418	248.925.577.019	2.789.982.688	2.280.603.857.125
Nợ phải trả không phân bổ				1.094.434.444.328
Tổng nợ phải trả				3.375.038.301.453

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ hàng hải đầu khí VND	Thương mại VND	Tổng VND
Năm nay				
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.800.731.437.662	1.031.444.879.774	16.941.998.260	2.849.118.315.696
Tổng doanh thu	1.800.731.437.662	1.031.444.879.774	16.941.998.260	2.849.118.315.696
Giá vốn				
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.370.467.613.775	867.316.791.236	16.474.426.674	2.254.258.831.685
Tổng giá vốn	1.370.467.613.775	867.316.791.236	16.474.426.674	2.254.258.831.685
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả hoạt động kinh doanh	430.263.823.887	164.128.088.538	467.571.586	594.859.484.011
Chi phí không phân bổ				(67.523.598.223)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				527.335.885.788
Doanh thu hoạt động tài chính				250.929.973.526
Lợi nhuận khác				1.442.624.862
Chi phí tài chính				(44.205.439.109)
Lợi nhuận trước thuế				735.503.051.067
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(113.817.322.013)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				6.320.605.706
Lợi nhuận trong năm				628.006.335.760
Thông tin khác				
Khấu hao				144.014.634.470

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải		Dịch vụ hàng hải dầu khí		Thương mại		Tổng	
	VND		VND		VND		VND	
Năm trước								
Doanh thu								
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.906.946.328.290		1.022.855.168.122		31.072.715.675		2.960.874.212.087	
Tổng doanh thu	<u>1.906.946.328.290</u>		<u>1.022.855.168.122</u>		<u>31.072.715.675</u>		<u>2.960.874.212.087</u>	
Giá vốn								
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.614.980.548.157		840.366.258.963		29.978.832.253		2.485.325.639.373	
Tổng giá vốn	<u>1.614.980.548.157</u>		<u>840.366.258.963</u>		<u>29.978.832.253</u>		<u>2.485.325.639.373</u>	
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Kết quả hoạt động kinh doanh	<u>291.965.780.133</u>		<u>182.488.909.159</u>		<u>1.093.883.422</u>		<u>475.548.572.714</u>	
Chi phí không phân bổ							<u>(101.742.346.847)</u>	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							<u>373.806.225.867</u>	
Doanh thu hoạt động tài chính							<u>159.295.653.381</u>	
Lợi nhuận khác							<u>89.430.461.149</u>	
Chi phí tài chính							<u>(43.801.243.096)</u>	
Lợi nhuận trước thuế							<u>578.731.097.301</u>	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							<u>(91.874.522.557)</u>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							<u>(3.625.425.456)</u>	
Lợi nhuận trong năm							<u><u>483.231.149.288</u></u>	
Thông tin khác								
Khấu hao							<u><u>138.645.896.927</u></u>	



Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và dịch vụ cho thuê kho nổi chứa dầu. Dịch vụ vận tải chủ yếu được thực hiện từ khu vực Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho nổi chủ yếu được thực hiện ở Vũng Tàu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	1.800.731.437.662	1.906.946.328.290
Dịch vụ hàng hải dầu khí	1.031.444.879.774	1.022.855.168.122
Thương mại	16.941.998.260	31.072.715.675
	2.849.118.315.696	2.960.874.212.087

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	1.370.467.613.775	1.614.980.548.157
Dịch vụ hàng hải dầu khí	867.316.791.236	840.366.258.963
Thương mại	16.474.426.674	29.978.832.253
	2.254.258.831.685	2.485.325.639.373

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	325.739.187.277	325.448.805.110
Chi phí nhân công	302.583.849.072	284.379.358.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.014.634.470	138.645.896.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.449.875.331.740	1.712.839.907.457
Chi phí khác bằng tiền	83.095.000.675	95.775.186.108
	2.305.308.003.234	2.557.089.153.967

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	163.111.837.840	69.613.205.390
Lãi tiền gửi	84.886.113.212	87.134.704.995
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.932.028.474	2.547.742.996
	250.929.979.526	159.295.653.381

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	70.499.734.766	56.952.082.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.437.501.076	7.181.634.157
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	141.597.653
Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư tài chính (*)	(28.731.796.733)	(20.507.013.143)
Chi phí tài chính khác	-	32.942.077
	44.205.439.109	43.801.243.096

(*) Đây là khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các Công ty con.

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương	22.598.406.980	60.956.186.691
Chi phí khác	44.925.191.243	40.786.160.156
	<u>67.523.598.223</u>	<u>101.742.346.847</u>

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	85.507.023.435
Thu nhập khác	2.423.863.538	4.200.127.714
Thu nhập khác	<u>2.423.863.538</u>	<u>89.707.151.149</u>
Chi phí khác	981.238.676	276.690.000
Chi phí khác	<u>981.238.676</u>	<u>276.690.000</u>
Lợi nhuận khác	<u>1.442.624.862</u>	<u>89.430.461.149</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	735.503.051.067	578.731.097.301
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Cổ tức được chia	(157.487.500.000)	(65.181.350.000)
Trừ: Chênh lệch tạm thời không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(163.422.508)	(36.038.602.973)
Trừ: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(47.164.865.389)	(80.252.142.669)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.404.098.398	795.796.672
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	533.091.361.568	398.054.798.331
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	106.618.272.314	79.610.959.666
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	7.199.049.699	12.263.562.891
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	113.817.322.013	91.874.522.557

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty là bên đi thuê:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	<u>274.077.975.155</u>	<u>273.882.370.744</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	110.021.021.333	273.172.033.667
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	70.000.000	102.806.310.000
	110.091.021.333	375.978.343.667

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 1 năm đến 2 năm, các hợp đồng thuê xe của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 2 năm đến 4 năm, hợp đồng thuê kho nổi được ký với thời hạn 5 năm.

Tổng Công ty là bên cho thuê:

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	558.477.362.540	542.074.465.262

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	306.717.520.000	548.989.200.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	419.255.200.000	427.144.440.000
Sau năm năm	153.581.000.000	193.584.000.000
	879.553.720.000	1.169.717.640.000

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải thu với Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước từ việc cho thuê tàu Đại Hùng Queen với thời hạn thuê 5 năm và phải thu cho thuê tàu Saturn, tàu Sapphire và tàu Aurora với thời hạn thuê từ 5 đến 10 năm.

32. CAM KẾT VỐN

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 3 năm 2019 phê duyệt kế hoạch đầu tư trong năm 2019, bao gồm đầu tư tài sản cố định với số tiền 37.2 triệu Đô la Mỹ (tương đương 855,5 tỷ đồng) và đầu tư tài chính với số tiền 209 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã hoàn thành đầu tư tàu chở dầu sản phẩm loại 20.000 DWT với tổng số tiền là 379,6 tỷ đồng, và góp vốn bổ sung vào các Công ty con với tổng số tiền là 68 tỷ đồng.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	1.804.425.848.021	1.979.590.477.523
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	727.416.030.388	384.800.687.221
Nợ thuần	1.077.009.817.633	1.594.789.790.302
Vốn chủ sở hữu	3.936.436.761.790	3.618.866.456.987
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,27	0,44

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	727.416.030.388	384.800.687.221
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.436.554.343.816	1.747.614.496.492
Đầu tư tài chính	856.237.767.300	1.196.783.474.800
Tổng cộng	3.020.208.141.504	3.329.198.658.513
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.804.425.848.021	1.979.590.477.523
Phải trả người bán và phải trả khác	815.100.343.236	943.264.795.290
Chi phí phải trả	83.906.330.173	49.774.335.651
Tổng cộng	2.703.432.521.430	2.972.629.608.464

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu sự rủi ro về thay đổi hoạt động của các Nhà máy lọc dầu (Dịch vụ vận tải) và hoạt động của các mỏ (Dịch vụ hàng hải dầu khí), để kiểm soát rủi ro này Tổng Công ty đã luôn đảm bảo đội tàu vận tải dầu thô đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của các Nhà máy lọc dầu, đối với các phương tiện kho nổi đều có thể chuyển đổi công năng để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các mỏ. Đây là lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm vừa qua.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	460.387.807.137	668.052.636.224	1.089.983.834.275	1.163.984.784.110
Euro ("EUR")	8.853.153	9.306.727	7.518.323	-
Yên Nhật ("JPY")	-	-	2.700.038.813	2.024.653.016
Đô la Singapore ("SGD")	-	-	1.453.589.805	660.845.425
Bảng Anh ("GBP")	-	-	24.561.721	-
Na Uy Krone ("NOK")	-	-	10.686.000	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% (2018: 3%) so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% (2018: 3%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% (2018: 3%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% (2018: 3%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 18.887.880.814 đồng (2018: giảm/tăng 14.877.964.437 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, Na Uy Krone, Đô La Singapore, Yên Nhật và bảng Anh thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI ĐẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm			Trên 5 năm		Tổng
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính Tiền và các khoản tương đương tiền Phải thu khách hàng và phải thu khác Đầu tư tài chính	727.416.030.388	-	-	-	-	727.416.030.388
	1.124.716.661.680	278.024.506.644	-	33.813.175.492	-	1.436.554.343.816
	810.300.000.000	-	-	45.937.767.300	-	856.237.767.300
	2.662.432.692.068	278.024.506.644	-	79.750.942.792	-	3.020.208.141.504
Công nợ tài chính Các khoản vay Phải trả người bán và phải trả khác Chi phí phải trả	646.321.802.328	866.618.390.424	-	291.485.655.269	-	1.804.425.848.021
	554.209.207.236	145.445.568.000	-	115.445.568.000	-	815.100.343.236
	79.077.780.862	4.828.549.311	-	-	-	83.906.330.173
	1.279.608.790.426	1.016.892.507.735	-	406.931.223.269	-	2.703.432.521.430
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.382.823.901.642	(738.868.001.091)	-	(327.180.280.477)	-	316.775.620.074
Số đầu năm Tài sản tài chính Tiền và các khoản tương đương tiền Phải thu khách hàng và phải thu khác Đầu tư tài chính	384.800.687.221	-	-	-	-	384.800.687.221
	940.414.765.916	705.474.046.749	-	101.725.683.827	-	1.747.614.496.492
	1.150.845.707.500	-	-	45.937.767.300	-	1.196.783.474.800
	2.476.061.160.637	705.474.046.749	-	147.663.451.127	-	3.329.198.658.513
Công nợ tài chính Các khoản vay Phải trả người bán và phải trả khác Chi phí phải trả	409.383.776.817	1.157.639.890.738	-	412.566.809.968	-	1.979.590.477.523
	653.512.267.290	115.445.568.000	-	174.306.960.000	-	943.264.795.290
	44.940.587.644	4.833.748.007	-	-	-	49.774.335.651
	1.107.836.631.751	1.277.919.206.745	-	586.873.769.968	-	2.972.629.608.454
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.368.224.528.886	(572.445.159.996)	-	(439.210.318.841)	-	356.569.050.049

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



Danh sách các bên liên quan

Mỗi quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "PVN")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Công ty con
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty liên kết
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Công ty con của PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty con của PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Bình khí	Công ty con của PVN
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan dầu khí PVD	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Tổng Công ty Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan dầu khí	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của PVN)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của PVN)
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetropetrol	Công ty liên doanh của PVN
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)

00/44
Y
JUL
TE
H
C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1.271.169.190.078	1.392.365.548.321
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	478.242.551.277	500.325.470.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	376.814.421.210	329.080.915.973
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	61.429.411.180	47.259.734.931
Chi nhánh Tổng Công Ty Khí Việt Nam - CTCP - Công Ty Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	43.724.013.813	51.980.465.849
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	39.785.000.000	16.558.996.043
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	36.940.433.786	61.829.075.637
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	36.315.318.500	36.179.018.962
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	7.958.157.741	6.605.022.438
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	8.019.877.957	11.141.887.323
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	6.050.045.769	17.972.639.131
Chi nhánh phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	29.243.822.468
Các bên liên quan khác	653.456.953	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	935.335.847.542	1.141.616.982.014
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	377.018.794.650	356.439.897.279
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	43.628.523.398	51.750.169.487
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	24.799.318.997	23.928.978.031
Công ty bảo hiểm PVI Phía Nam	15.539.483.286	18.475.560.911
Chi nhánh Tổng Công Ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - XNDVĐT khoan Dầu khí	14.421.434.064	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	9.299.340.838	8.540.763.997
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	7.085.108.034	6.789.580.460
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.441.363.635	2.341.818.347
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	5.251.114.657	7.399.201.202
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	4.080.579.448	6.840.627.285
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	2.488.260.033	2.983.069.057
Công ty CP Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	2.138.692.417	-
Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	-	7.703.980.836
Công ty bảo hiểm PVI Bến Thành	1.352.356.416	2.302.119.897
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.273.184.569	15.496.893.617
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	1.136.145.056	1.271.715.249
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	543.755.746	1.199.593.556
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	164.012.500	9.511.804.731
Các bên liên quan khác	1.888.718.112	-
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	26.675.653.768	22.636.656.643
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	26.272.882.307	24.372.734.866
Cổ tức được chia		
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Thái Bình Dương	61.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	40.644.000.000	30.481.350.000
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	26.010.000.000	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	19.400.000.000	19.400.000.000
Công ty CP Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	7.800.000.000	-
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd.	5.624.337.840	4.431.855.390
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.433.500.000	-
Góp vốn vào công ty con		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	51.000.000.000	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	40.644.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	17.000.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>7.508.250.435</u>	<u>6.723.795.661</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	208.797.108.089	187.604.273.197
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	90.374.637.747	55.671.451.447
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	87.316.768.000	87.567.172.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	39.946.850.350	35.410.760.858
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	32.568.916.941	48.697.648.870
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	10.412.139.989	22.437.365.198
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	6.096.744.738	2.656.219.434
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	5.923.022.056	9.707.460.101
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	2.206.978.404	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	15.660.116.483
Các khoản phải thu các bên liên quan khác	<u>537.678.475</u>	<u>9.317.424.013</u>
	<u>484.180.844.789</u>	<u>474.729.891.601</u>

Phải thu ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (khoản vay)	497.579.719.789	295.349.322.852
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.352.778.490	2.780.720.325
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (cổ tức phải thu)	9.938.000.000	9.938.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (cổ tức phải thu)	7.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.644.465.154	7.644.465.154
Công ty TNHH Một Thành Viên Lọc-Hóa Dầu Bình Sơn	1.302.716.924	-
Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. (cổ tức phải thu)	1.128.995.840	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	82.750.000	53.256.500
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	53.590.088	53.371.117
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	37.980.000
	<u>527.883.016.285</u>	<u>315.857.115.948</u>

Phải thu dài hạn khác

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	<u>305.463.208.836</u>	<u>803.227.731.726</u>
	<u>305.463.208.836</u>	<u>803.227.731.726</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	146.608.444.531	247.635.638.324
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (mua tài sản cố định)	86.584.176.000	57.722.784.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (phí quản lý)	-	1.044.112.684
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	31.183.623.692	37.419.216.167
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.833.036.612	14.485.175.935
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	4.744.722.672	2.640.360.216
Công Ty Cổ phần Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	4.405.405.274	12.538.706.035
Chi nhánh Tổng Công Ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - XNDVĐT khoan Dầu khí	2.082.167.831	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	920.738.605	946.718.804
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	797.343.999	683.972.537
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	515.641.280	424.220.500
Chi nhánh PTSC - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	404.325.300	482.723.878
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	375.443.430	2.514.942.389
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	55.616.000	196.147.080
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	8.540.000
Các khoản phải trả các bên liên quan khác	744.296.177	1.387.155.436
	290.254.981.403	380.130.413.985
Phải trả người bán dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (mua tài sản cố định)	230.891.136.000	259.752.528.000
	230.891.136.000	259.752.528.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	-	5.060.000.000
	-	5.060.000.000
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	165.049.954.347	165.049.954.347
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	519.932.300	664.587.200
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	460.670.118	1.183.061.714
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	3.450.000	17.580.000
Công Ty Cổ phần Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	-	436.659.644
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	318.571.050
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	271.098.725
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	-	192.494.516
	166.034.006.765	168.134.007.196
Vay dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	373.375.717.172	441.288.225.508
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	463.132.847.521	731.454.854.344
	836.508.564.693	1.172.743.079.852
Trích trước lãi vay		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	62.330.971.874	38.297.563.403
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	3.565.044.616	3.919.655.196
	65.896.016.490	42.217.218.599

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 66.592.729.571 đồng (năm 2018: 42.395.544.244 đồng), là khoản lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 914.299.665 đồng (năm 2018: 1.547.000.000 đồng), là số tiền mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 40.644.000.000 đồng (năm 2018: 0 đồng), là khoản góp vốn bằng cổ tức được chia trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 2.770.439.290 đồng (năm 2018: 2.101.841.650 đồng), là khoản cổ tức phải trả nhưng chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Đinh Mai Phương
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

